

Hướng dẫn du học Nhật Bản

2019-2020



Independent Administrative Institution
**Japan Student Services
Organization**



STUDY in JAPAN

Chương 1: Những điều cần biết về du học Nhật Bản

- 01 Sức hấp dẫn của Du học Nhật Bản
- 02 Nhật Bản là đất nước như thế nào?
- 04 Vì sao nên đi du học Nhật Bản?
- 05 Lý do tôi quyết định đi du học Nhật Bản?
- 06 Nhật ký Campus 1
- 07 Lập kế hoạch du học
- 08 Lịch trình

Chương 2: Những điều cần biết về trường học, các kỳ thi

- 10 Hệ thống giáo dục Nhật Bản
- 12 Đại học (Khoa), Cao đẳng
- 14 Sau đại học
- 17 Chương trình học bằng tiếng Anh
- 18 Du học ngắn hạn, học chuyển tiếp
- 19 Trường kỹ thuật chuyên nghiệp
- 20 Trường dạy nghề
(Khóa chuyên môn trường dạy nghề)
- 22 Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật
- 24 Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- 26 Các kỳ thi cần thiết cho du học Nhật Bản
- 27 Nhật ký Campus 2

Chương 3: Những điều cần biết về cuộc sống tại Nhật Bản

- 28 Thủ tục nhập cảnh
- 32 Chi phí cần thiết khi du học
- 33 Chi phí sinh hoạt, giá cả
- 34 Học phí
- 36 Học bổng
- 38 Làm thêm
- 39 Nhà ở
- 40 Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thiệt hại,
bảo hiểm của Hiệp hội sinh viên
- 41 Thực tập (Internship)
- 42 Tìm kiếm việc làm tại Nhật Bản

Chương 4: Các thông tin khác

- 43 Dữ liệu thống kê về Du học Nhật Bản
- 44 Hỏi đáp về du học Nhật Bản/Hoạt động thúc đẩy du học Nhật Bản tại nước ngoài.
- 45 Tổng hợp thông tin

Sức hút của Du học Nhật Bản

Why Study in Japan?

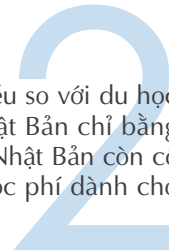
Chất lượng đào tạo cao nhất thế giới

Điểm thu hút nhất của Du học Nhật bản đó chính là bạn có thể học tập những kỹ thuật, tri thức hiện đại nhất. Đặc biệt trong lĩnh vực khoa học, Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới, những năm gần đây hàng năm Nhật Bản đều có nhà khoa học nhận được giải Nobel. Các sản phẩm sử dụng kỹ thuật khoa học tiên tiến như Ô tô, Máy ảnh kỹ thuật số, Sợi quang học, Tim nhân tạo... được toàn thế giới công nhận và đã hỗ trợ cho đời sống sinh hoạt của con người rất nhiều. Ngoài kiến thức ra, trường học Nhật Bản còn đào tạo mài dũa sinh viên trở thành những con người tôn trọng lễ nghi, phép tắc. Điều này được du học sinh đánh giá rất hữu ích khi bước chân ra xã hội.



Học phí trong tầm tay

Học phí khi học tập tại Nhật Bản rẻ hơn nhiều so với du học Mỹ, Anh. Học phí tại trường quốc lập tại Nhật Bản chỉ bằng 1/3 so với trường quốc lập của Mỹ. Hơn nữa, Nhật Bản còn có nhiều chế độ học bổng, chế độ miễn giảm học phí dành cho du học sinh.



Môi trường học tập quốc tế

Hiện tại có khoảng 300,000 Du học sinh đến từ hơn 180 quốc gia trên thế giới đang học tập tại các trường Đại học và trường Nhật ngữ tại Nhật Bản. Châu Á đang phát triển mạnh mẽ và thu hút sự quan tâm của toàn thế giới. Du học Nhật Bản các bạn còn có thể học tập từ rất nhiều quốc gia trên thế giới. Hơn nữa, để gỡ bỏ rào cản về ngôn ngữ tiếng Nhật, các chương trình học tập bằng tiếng Anh đang ngày một tăng lên.



Văn hóa và tự nhiên phong phú

Nhật Bản có thiên nhiên phong phú với 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Đảo quốc Nhật Bản được bao quanh bốn bề là biển nên ở văn hóa tự lập được người Nhật giáo dục từ thời cổ đại. Nền văn hóa Nhật bản được kết hợp giữa Văn hóa truyền thống như trà đạo, nghệ thuật cắm hoa Ikebana.. và văn hóa hiện đại Anime, Manga... Văn hóa ẩm thực của người Nhật "Washoku" được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, từ cách lựa chọn nguyên liệu đến trình bày món ăn đặc sắc, đảm bảo sức khỏe... là những đặc trưng đang thu hút sự quan tâm của toàn thế giới.

Việc làm tại Nhật Bản

Du học sinh nước ngoài ưu tú, không phân biệt quốc tịch ngày càng được tuyển dụng nhiều hơn tại Nhật bản. Những nhân sự này là cây cầu nối quốc tế, tích cực hoạt động trong các cơ quan, công ty, tổ chức với cách suy nghĩ tư duy đa dạng. Ở Nhật không chỉ doanh nghiệp lớn mà ngay cả những công ty nhỏ cũng đều mang niềm tự hào là đứng đầu thị trường và đi tiên phong về kỹ thuật hàng đầu trên thế giới. Làm việc ở Nhật Bản là cơ hội để các bạn có thể tích lũy nhiều kinh nghiệm và tri thức cho tương lai.



Nhật Bản là đất nước như thế nào?



Tuổi thọ trung bình: Số 1 thế giới



Số robot dùng trong công nghiệp: Số 1 thế giới



Tỉ lệ đóng góp cho Liên Hợp Quốc: Thứ 3 trên thế giới



Tổng thu nhập quốc dân (GNI): Thứ 3 trên thế giới



Số lượng xe ô tô xuất khẩu: Đứng thứ 3 trên thế giới

Số người đạt giải Nobel: 26 người

Đứng thứ 7 trên thế giới và số 1 tại Châu Á.

Chỉ số hòa bình toàn cầu:

Đứng thứ 10 trên thế giới và số 1 tại Châu Á

Dân số: Xếp thứ 11 trên thế giới

Số lượng Di sản thế giới:

Đứng thứ 12 trên thế giới và đứng thứ 4 tại Châu Á

Nguồn: Bộ Ngoại Vụ Kids Bằng xếp hạng các lĩnh vực trên thế giới

Nguồn: Global Peace Index

Tham khảo: Thống kê của Bộ Giáo dục Xuất bản năm 2018

Tham khảo: Tài liệu của tổ chức Nobel

Thông tin chung về Nhật Bản

Diện tích : Khoảng 378,000 km²

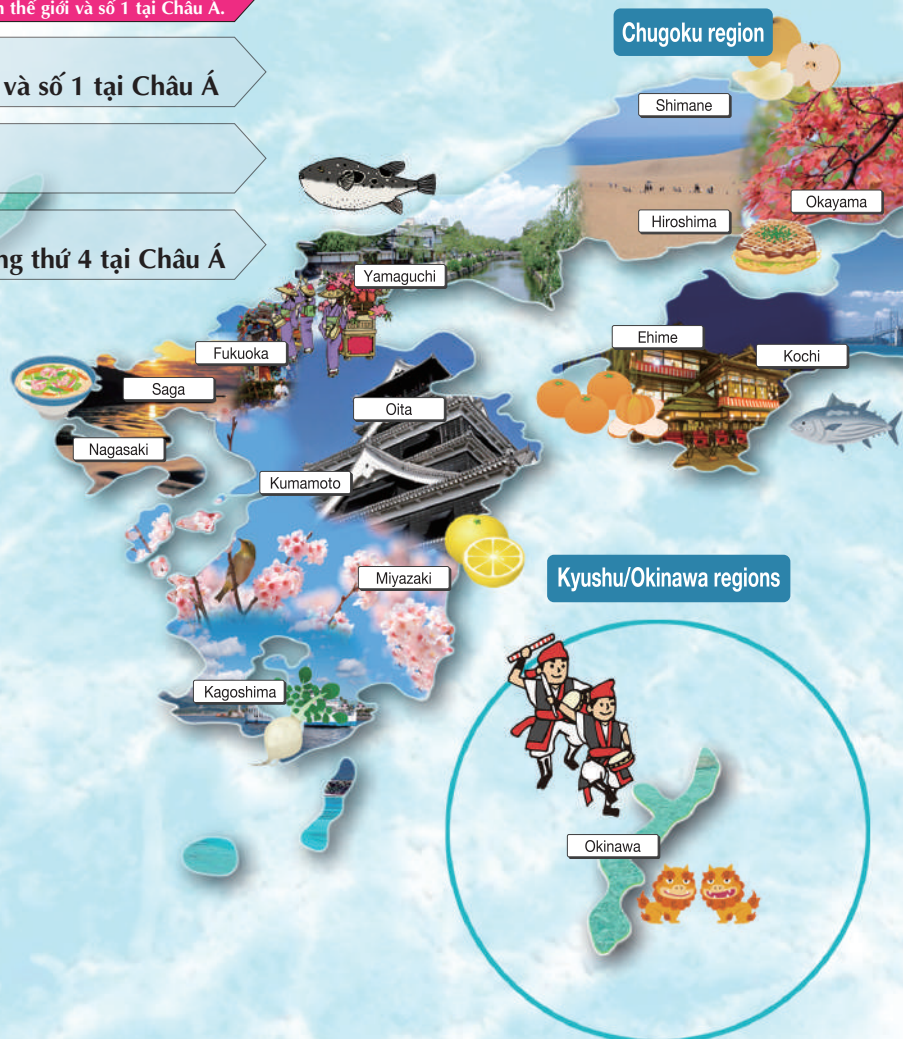
Dân số : 126,420,000 người

Thủ đô : Tokyo

Ngôn ngữ : Tiếng Nhật

Đồng tiền : Yên (JPY)

Nguồn: Công bố của tổng cục thống Nhật Bản tháng 12/2018



Nhiều cảnh quan thiên nhiên!
 Đồ ăn ngon vô cùng đa dạng!
 Đất nước có lịch sử lâu đời!



Các Website giới thiệu Nhật Bản

- Website của Bộ Ngoại Vụ
<https://web-japan.org/>
- Cơ quan Xúc tiến Du lịch Nhật Bản tại Việt Nam (JNTO)
<http://www.camnhannhatban.vn/>
- Các vùng đất Nhật Bản đầy hấp dẫn (Tổng cục du lịch Nhật Bản)
<http://www.mlit.go.jp/kankocho/cruise/jp/introduction/index.html>

Tại sao nên Du học Nhật Bản?

Hãy cùng xem câu trả lời từ các Du học sinh tại Nhật Bản!

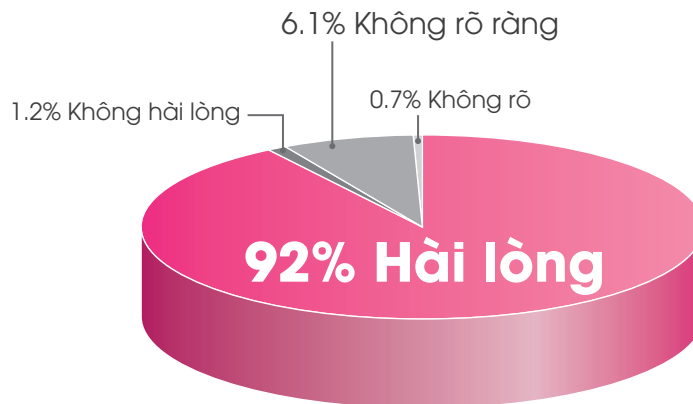


Tại sao bạn lựa chọn Nhật Bản để đi du học? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

Top 1	Em rất thích xã hội Nhật Bản nên muốn sống tại Nhật	60.8%
Top 2	Vì em yêu thích việc học tiếng Nhật và văn hóa Nhật nên muốn đi du học Nhật Bản	48.2%
Top 3	Chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường Đại học ở Nhật Bản	34.1%
Top 4	Em muốn làm những công việc có liên quan đến Nhật Bản	24.5%
Top 5	Vì em muốn trải nghiệm sự khác biệt về văn hóa	23.7%
Top 6	Vì ở Nhật Bản có thể học chuyên ngành mà em yêu thích	23.6%
Top 7	Vì em được gia đình và bạn bè người thân khuyến khích đi du học Nhật Bản	18.4%
Top 8	Em chọn Nhật Bản vì vị trí địa lý không quá xa	17.5%
Top 9	Em cũng có nghĩ đến chọn nước khác để du học, nhưng Nhật Bản là nơi phù hợp với lực học và mức chi phí phù hợp với điều kiện của em	16.8%
Top 10	Vì em nhận được học bổng	5.5%



Ấn tượng của em sau khi đi du học Nhật Bản như thế nào?



Nguồn: "Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tư phí người nước ngoài năm 2017" (JASSO)



Kết bạn với người Nhật và bạn bè từ khắp nơi trên thế giới là cơ hội để bạn tích cực giao tiếp, một cuộc sống du học phong phú tràn đầy màu sắc khi được tham gia các hoạt động ngoại khóa!



Được nghiên cứu cùng với những nhà nghiên cứu xuất sắc trong môi trường nghiên cứu tuyệt vời! Bạn hãy đưa ra mục tiêu rõ ràng và chuyên tâm vào việc nghiên cứu!



Làm việc tại Nhật Bản sẽ gặp không ít khó khăn nhưng là những kinh nghiệm hết sức đáng quý giúp tôi trưởng thành hơn!

Chúng tôi đã hỏi các bạn sinh viên hiện đang du học!

TẠI SAO NÊN DU HỌC NHẬT BẢN?



Pham Thi Thao
I.C. NAGOYA



Việt Nam

Lý do em đến Nhật Bản đó là vì Nhật Bản là đất nước tạo nên kỳ tích. Em bắt đầu học tiếng Nhật khi được Bố mẹ khuyên rằng nếu đến Nhật học tập thì sẽ có tương lai tươi sáng hơn. Nhờ có việc học tiếng Nhật mà em đã gặp gỡ được những người bạn tuyệt vời đến từ nhiều nơi trên thế giới. Không chỉ có vậy, các bạn còn hỗ trợ và giúp đỡ em tìm thấy giấc mơ của chính mình. Em mơ ước có thể mở công ty cung cấp thực phẩm an toàn để bảo vệ sức khỏe của con người. Nếu học tập ở Nhật Bản thì ước mơ của em có thể trở thành hiện thực. Em rất tò mò vì sao Nhật Bản là đất nước có rất nhiều thiên tai, thảm họa nhưng vẫn có rất nhiều tập đoàn Nhật Bản nổi tiếng trên thế giới, người Nhật vẫn tạo ra nhiều thực phẩm bảo vệ sức khỏe, an toàn... Cho dù gặp khó khăn như thế nào người Nhật vẫn quyết tâm làm đến cùng, không bỏ cuộc, một tinh thần vượt khó mà em rất muốn học tập. Chính vì lý do đó mà em quyết tâm du học Nhật bản, để tìm hiểu về đất nước Nhật Bản tuyệt vời. Em tin rằng một người trẻ tuổi còn ít kinh nghiệm như em sẽ được trau dồi và trưởng thành nếu tới Nhật. Em mong muốn có thể học tập thật nhiều tại Nhật Bản.



Mahmoud Mohamed Nasef
Kyushu University



Egypt

Where to begin. I have known about Japan and all its glory since I was in primary school. This is when I started to develop an interest in reading and watching Japanese anime and gradually over time immersed myself in the world of Japanese culture. Ever since I visited Japan back in 2013 when I was an undergraduate student, I have had great passion on how systematic and precise things were. I was fascinated by what I saw and experienced and that included the hospitality of the people, beautiful places and amazing food. I like the overall Japanese culture and work ethics, as I have gained some experience studying in a Japanese institute and did my industrial internship in a Japanese based company (Toyota) before. My main aim studying in Japan is that it provides the stepping stones for my future career as a researcher in my field. I am here to experience firsthand living and studying in Japan and to adopt their style in order to better oneself, learn and grow. Ultimately, I hope to complete my studies and graduate from Kyushu University as a PhD student. I am looking forward to new experiences and to accomplish great things.

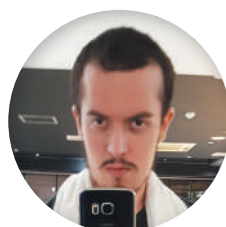


Guo Yifan
Đại học Waseda



Trung Quốc

Em rất quan tâm đến xã hội Nhật Bản nên đã quyết định đi du học Nhật Bản. Hồi nhỏ, em rất hay xem đọc "Thám tử Conan" và "Pokemon". Sau đó em có cơ hội đọc rất nhiều tiểu thuyết văn học của Nhật Bản như Murakami Haruki... Em muốn được tận mắt mình chứng kiến và cảm nhận về xã hội Nhật Bản. Khi lựa chọn con đường học tập của mình, không một chút ngần ngại em đã quyết định chọn Nhật Bản để du học. Em ở Nhật đã được 5 năm rồi. Được sống trong xã hội Nhật Bản, được học chính trị và kinh tế Nhật Bản ở trường Đại học, được gặp gỡ những người bạn Nhật thân thiết... mỗi ngày của em trôi qua đầy hào hứng. Nhìn lại cuộc sống du học sinh của mình, nếu được lựa chọn lại đất nước để du học thì em vẫn chọn Nhật Bản. Bởi vì không chỉ "xã hội Nhật Bản" mà em còn rất thích "Con người Nhật Bản" nữa. Có những người bạn đã đón nhận và yêu thương em, giúp em vượt qua nhiều khó khăn khi du học, đó thực sự là điều thu hút nhất khi du học Nhật Bản đối với riêng em.



Ozturk Ahmet Furkan
Đại học tỉnh Aichi



Thổ Nhĩ Kỳ

Tôi lựa chọn Nhật Bản để đi du học vì có 2 lý do. Tôi muốn học về ngành IT ở Nhật, đất nước nổi tiếng trong lĩnh vực về đào tạo IT trong khu vực Châu Á. Ở Nhật Bản từ những năm 1990 đã bắt đầu phát triển khoa học máy tính, có liên kết với nhiều công ty của Mỹ. Nhật Bản là đất nước dẫn đầu trong lĩnh vực IT trong châu Á nói riêng và trên thế giới nói chung. Công nghệ và IT của Nhật Bản có truyền thống phát triển lâu năm, chính vì thế tôi muốn học IT ở Nhật Bản.

Lý do thứ 2 tôi chọn Nhật Bản vì đây đang là xu hướng du học của giới trẻ Thổ Nhĩ Kỳ. Trước đây hơn nửa số người đi du học ở Thổ Nhĩ Kỳ sẽ chọn châu Âu. Nhưng trong 60 năm trở lại đây, các nước châu Á đặc biệt là Nhật Bản đã phát triển rất vượt trội. Tôi mong muốn có thể trở đóng góp một phần nhỏ sức lực của mình cho sự phát triển này, là cây cầu nối giữa các doanh nghiệp phần mềm tại Thổ Nhĩ Kỳ với các nước trên thế giới, đóng góp cho sự phát triển của ngành công nghệ thông tin. Chính vì thế tôi đã lựa chọn Nhật Bản. Trên đây là 2 lý do tôi đã quyết định chọn Du học Nhật Bản.

Nhật ký Campus 1

Một ngày của Du học sinh trôi qua như thế nào nhỉ? Trả lời cho câu hỏi này của các bạn, hãy cùng xem một ngày của các Sempai như thế nào! Hãy cùng lắng nghe các Du học sinh đang cố gắng nỗ lực mỗi ngày để biến giấc mơ thành hiện thực.



Con đường tương lai càng sáng tỏ, tôi sắp chạm tay vào giấc mơ! Thật tuyệt vì đã đến Nhật Bản!

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN) Numazu
Khoa Công nghệ điện tử

Jirawit Jirachewee (Thái Lan)

Vì sao bạn lại quyết định đi du học Nhật Bản?

Cảm tưởng khi bạn học tập tại Nhật?

Mục tiêu của bạn trong tương lai?

Tôi vốn rất yêu thích văn hóa Nhật Bản, thích tiếng Nhật và quan hệ quốc tế, chính vì lẽ đó mà tôi muốn thử sức bản thân khi quyết định đi Du học Nhật Bản. Đến một đất nước xa lạ, xung quanh chỉ có thể nói tiếng Nhật, sẽ là bước tiến lớn để tôi trưởng thành hơn, nghĩ như vậy nên tôi đã hết sức quyết tâm để đi du học Nhật Bản. Tuy nhiên, khi tôi sang đến Nhật thì thực tế không đẹp như bức tranh tôi tự vẽ ra. Không thể nói được những điều mình muốn

nói, cản trở việc học tập và mong ước được thử thách bản thân, có những lúc cảm thấy thất vọng nữa. Nhưng nhờ có những người bạn tốt đã giúp đỡ tôi rất nhiều nên tôi đã vượt qua được giai đoạn khó khăn ban đầu. Những gì xảy ra không theo như mong muốn của chính mình là chuyện đương nhiên, cách mà chúng ta vượt qua nó để trưởng thành mới là điều quan trọng. Tôi mong muốn mình có thể trưởng thành hơn nữa, vượt qua nhiều thử thách để trở thành cây cầu nối vững chắc giữa Thái Lan và Nhật Bản trong tương lai. Mỗi ngày tôi đều tâm niệm về ước mơ đó của mình và cố gắng nỗ lực hết sức trong học tập để biến ước mơ thành hiện thực.



Hãy giới thiệu một ngày học tập ở trường của bạn?

6:50 Thức dậy

Đến giờ thức dậy rồi, mặc dù tôi vẫn còn muốn ngủ nữa...

8:00 Ăn sáng

Bữa sáng rất quan trọng, tôi cảm thấy hạnh phúc khi được ăn sáng.

8:50 Bắt đầu học

Không được sử dụng điện thoại, hãy tập trung và cố gắng vào việc học.

12:00 Ăn trưa

Mỗi ngày trôi qua đầy áp tiếng cười, tôi cùng ăn trưa và trò chuyện với 4 người bạn thân.

18:00 Ăn tối sau khi học xong

Có học nhiều quá không nhỉ ?!D

18:30 Đi bơi, tập Gym...

Giải tỏa đầu óc, nâng cao thể lực.

23:00 Ngủ

Giấc ngủ quan trọng cho cả thể chất và tinh thần!



Open up and participate in as many cultural activities as possible while in Japan!

Ristumeikan University
Community and Regional Policy Studies
Yoshie Sasagawa (Malaysia)

I feel very lucky to have the chance to study in Japan. Although there were some difficulties due to language barriers, the people and the community around me are incredibly supportive. I could not have asked for a better study abroad experience! I came to Japan because I wanted to explore the Japanese side of me. My university offered many opportunities and cultural activities for international students to participate in. Some of the experiences of mine included working at one of the biggest shrines in Osaka, doing field studies and agricultural work in rural

communities, summer internships, interacting with Japanese school kids, and many more. Although it may sound like a lot of work, going through all these events not only taught me more about Japan but along the way, I also learned more about myself. Currently in my last year, I found that Japan has given me more than what I expected to learn before arriving for example, the Japanese work ethic, social mannerisms, patience and practical life skills. I highly encourage current and potential international students to open up and participate in as many cultural activities as possible while in Japan!



How I spend a day

7:15 - 8:15 Getting ready for the day

I wash up, get dressed and have a big breakfast.

8:15 - 9:00 Travelling to university

Cycle to the station, take the train and walk to university.

9:00 - 12:10 Classes

Sometimes I make my own bento, but mostly I eat at the school cafeteria.

12:10 - 13:00 Lunch

Usually after lunch I enjoy getting coffee and desserts with my friend and work on course projects together.

13:00 - 14:00 Free time

Usually after lunch I enjoy getting coffee and desserts with my friend and work on course projects together

14:00 - 16:00 Gym

My favorite part of the day is to workout at the gym to de-stress

16:00 - 17:00 Going home

I like to head home early if possible so that I have time to do groceries and make myself a fantastic dinner and study afterwards.

Lập kế hoạch là chìa khóa của thành công! Đây là điều quan trọng nhất!



Mục đích du học là gì?
 Công việc tương lai mà bạn hướng đến yêu cầu bạn cần những bằng cấp và năng lực



Muốn học cái gì?
 Bạn muốn học gì? Lĩnh vực chuyên khoa, chuyên môn?



Nên học ở cơ sở giáo dục nào?



Cần học trong bao lâu?

1 Bằng cấp, chứng chỉ	Bằng cử nhân	Học Kinh tế? Vật lý? Y học? Kiến trúc? Nông học? Phúc lợi? Thiết kế? Mỹ thuật?	Đại học	4 năm (một số chuyên ngành 6 năm)
	Bằng Thạc sĩ	Giao dục? Xã hội học?	Sau đại học	2 năm ~
	Bằng Tiến sĩ	Công nghệ thông tin Môi trường?	Sau đại học	3 năm ~
	Bằng cao đẳng	Anime? Game?	Cao đẳng	2 năm (một số chuyên ngành 3 năm)
	Chứng chỉ chuyên môn		Trường dạy nghề	2 ~ 3 năm
	Chứng chỉ tương đương cao đẳng		Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	3 năm (một số chuyên ngành 3.5 năm)
	Chứng chỉ chuyên môn cao cấp		Chứng chỉ chuyên môn cao cấp	4 năm

2 Học ngắn hạn Trải nghiệm	Học ngắn hạn	Tiếng Nhật Văn hóa Nhật So sánh văn hóa	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Chương trình ngắn hạn của trường đại học	Vài tháng ~ 1 năm
	Trải nghiệm		Đại học	Dưới 1 năm

3 Học tiếng Nhật	Học tiếng		Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
	Học tiếp lên	Khóa học tiếp lên Hội thoại tiếng Nhật Tiếng Nhật thương mại	Trường tiếng Nhật	~ 2 năm
			Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập	1 ~ 2 năm



Khi nào bạn đi du học?
 Khi nào thì bạn bắt đầu? Thời gian chuẩn bị mất bao lâu?



Chi phí hết bao nhiêu?
 Chi phí hết khoảng bao nhiêu tiền? Vé máy bay? Chi phí sinh hoạt? Tiền thuê nhà? Tiền ăn uống? Tiền tiết kiệm có đủ không? Gia đình có chu cấp không? Có làm thêm không? Tiền học bổng?

Hãy cùng xem Trang 8-9 "Lịch trình" và lập kế hoạch nhé!

Hãy cùng xem trang 32-40 và tính toán thử xem chi phí bao nhiêu bạn nhé!

LỊCH TRÌNH

**Các bạn đã lập kế hoạch du học chưa?
Hãy nhìn bảng lịch trình cơ bản để biết
cần chuẩn bị những gì,
Từ lúc lập kế hoạch cho tới khi đi Nhật.**

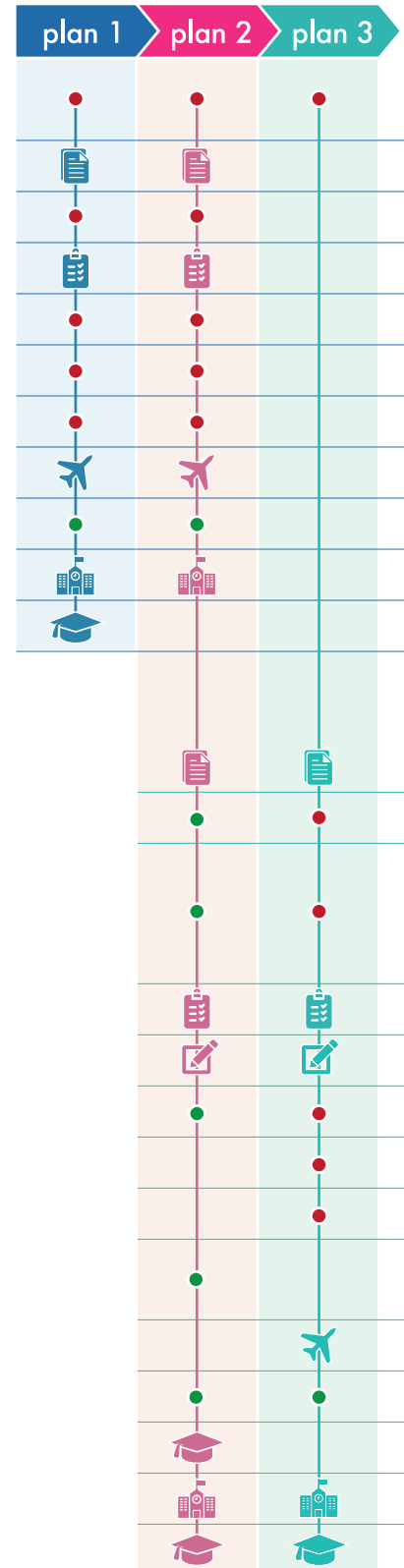
Từ lúc lập kế hoạch cho tới khi đi Nhật

Kế hoạch 1
Dành cho người chỉ muốn học tiếng Nhật
Từ mục 1~8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại nước Nhật và mục 10 là vào học tại Trường tiếng Nhật 11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật

Kế hoạch 2
Dành cho người muốn học tiếp lên đại học hoặc trường dạy nghề... sau khi học xong tiếng Nhật.
Từ mục 1~8 là chuẩn bị tại Việt Nam, mục 9 là chuẩn bị tại Nhật và mục 10 là vào học tại trường tiếng Nhật. Trong thời gian đang học tại trường tiếng Nhật cần chuẩn bị mục 12~22 và kết thúc ở mục 23. Mục 24 là vào học Đại học, Trường dạy nghề...

Kế hoạch 3
Dành cho các bạn muốn vào thẳng trường đại học hoặc trường dạy nghề sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam
Những người đã có đủ năng lực tiếng Nhật, những người học bằng chương trình tiếng Anh. Hãy bỏ qua bước từ mục 2~11 và bắt đầu từ mục 12 là chuẩn bị tài liệu. Sau khi đỗ kỳ thi đầu vào, sẽ tiến hành các thủ tục để nhập học vào trường đại học, trường dạy nghề ở mục 24.

● Thủ tục tại nước nhà
● Thủ tục tại nước Nhật



Lưu ý khi thông qua các công ty tư vấn du học

Nếu tự mình làm các thủ tục du học sẽ có nhiều ưu điểm như tiết kiệm về mặt kinh tế, năng cao năng lực phán đoán của bản thân và năng lực ngôn ngữ nhưng nếu bạn hoặc chưa tự tin về năng lực ngôn ngữ thì việc đi du học thông qua các công ty tư vấn du học cũng là một lựa chọn.

Lưu ý cập nhật các công ty tư vấn du học bị đình chỉ xin giấy phép Visa và các thông tin liên quan:

https://www.vn.emb-japan.go.jp/itpr_ja/Vn_Thongtinduhoc.html

Điểm quan trọng khi lựa chọn!

① Chi phí	So với nhiều công ty khác giá cả có hợp lý không? Có đưa ra những tư vấn như nếu làm thêm ở Nhật có thể kiếm tiền trang trải cả học phí và sinh hoạt phí không? Có làm hợp đồng với nội dung chi tiết, rõ ràng về số tiền và nội dung dịch vụ không?
② Cách tư vấn, cung cấp dịch vụ	Có giới thiệu những trường phù hợp với mục đích du học không? Có đưa ra những tư vấn kiểu như nhập cảnh bằng giấy tờ giả không? Có nghiêm túc trả lời đầy đủ những câu hỏi và tiến độ làm thủ tục không? Có giục nhanh chóng đăng ký không? Có nói rõ về những vất vả khi đi du học bên cạnh những điểm tốt không?
③ Kết quả thực tế	Công ty đã từng đưa được nhiều người sang Nhật du học chưa?

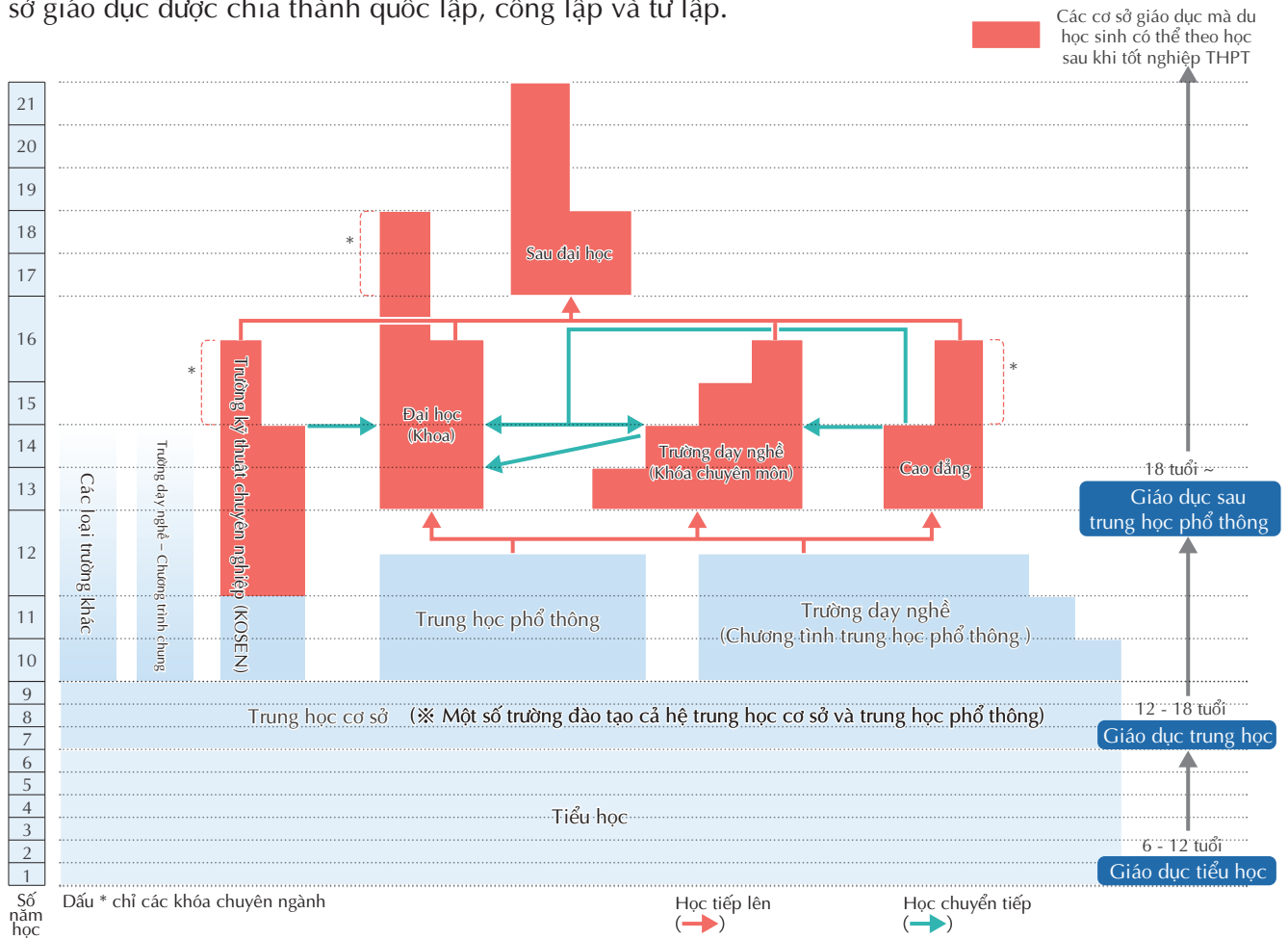
CÁC BƯỚC	Trang liên quan	Thời gian		Hành động
1 Lên kế hoạch và thu thập thông tin	Trang 7 Trang 32-35			Xác định rõ, cụ thể hóa mục đích du học. Xác nhận năng lực ngôn ngữ và kinh phí du học cần thiết.
2 Tập hợp tài liệu của trường tiếng Nhật	Trang 18,19	Tháng 4-6	Tháng 10-12	Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn về trường, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
3 Chọn trường	Trang 22,23	~ tháng 9	~ tháng 2	
4 Nộp hồ sơ	Trang 22,23	Tháng 9-11	Tháng 2-4	Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
5 Nhận giấy phép nhập học		Tháng 9-11	Tháng 2-4	Nhận giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí v.v.
6 Thủ tục nhập cảnh	Trang 28-31			Nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) và xin visa.
7 Chuẩn bị đi du học				Tìm nhà ở.
8 Thủ tục xuất cảnh, lên đường				Mua vé máy bay, bảo hiểm.
9 Thủ tục nhập học				
10 Nhập học trường tiếng. Bắt đầu học tập		Tháng 4 (Khóa 1 năm. 2năm)	Tháng 10 (Khóa 1,5 năm)	
11 Kết thúc chương trình học trường tiếng Nhật				

12 Tập hợp tài liệu của trường đại học, trường dạy nghề	Trang 12-21	Tháng 4-5/Tháng 9-10		Tìm hiểu tài liệu hướng dẫn, hồ sơ nhập học của một vài trường có nguyện vọng vào học. Xác nhận điều kiện nộp hồ sơ.
13 Chọn trường	Trang 12-21	~ Tháng 6/ ~Tháng 11		So sánh và chọn trường có nguyện vọng vào học dựa trên các tài liệu như hướng dẫn về trường v.v.
14 Đăng ký dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)	Trang 24-25	~ Tháng 3/ ~Tháng 7		Đăng ký dự thi kỳ thi Du học Nhật Bản (EJU) và các kỳ thi cần thiết khác: - Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) - Kỳ thi TOEFL, IELTS, TOEIC (Nếu trường yêu cầu)
15 Nộp hồ sơ	Trang 12-21	Tháng 8-10/Tháng 1-11		Gửi hồ sơ nhập học, giấy tờ cần thiết cho trường có nguyện vọng vào học.
16 Dự thi		Tháng 11-2/Tháng 3-8		Chuẩn bị tài liệu, Dự thi Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và các kỳ thi cần thiết khác.
17 Giấy phép nhập học		Tháng 1-3/Tháng 6-8		Nhận giấy thông báo nhập học. Đóng tiền học phí.
18 Thủ tục nhập cảnh	Trang 28-31			Nhận giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE). Xin visa.
19 Chuẩn bị đi du học				Tìm nhà ở.
20 Thủ tục thay đổi tư cách lưu trú, nộp hồ sơ cho các tổ chức/nơi hoạt động.				
21 Thủ tục xuất cảnh, lên đường				Mua vé máy bay, mua bảo hiểm...
22 Thủ tục nhập học				
23 Hoàn thành khóa học tại trường tiếng Nhật				
24 Nhập học trường Đại học, trường dạy nghề...				Tháng 4/tháng 9 hoặc tháng 10
25 Tốt nghiệp trường Đại học, trường dạy nghề...		Tháng 3/tháng 8 hoặc tháng 9		

* Có một số trường nhập học vào mùa thu (tháng 9 hoặc tháng 10)
* Quá trình từ khi nộp hồ sơ cho tới khi nhập học tùy từng trường sẽ khác nhau. Hãy xác nhận rõ hướng dẫn tuyển sinh của trường để không bị sai sót khi làm thủ tục.

HỆ THỐNG GIÁO DỤC CỦA NHẬT BẢN

Giáo dục sau trung học phổ thông của Nhật Bản bắt đầu sau khi hoàn thành 12 năm học bao gồm giáo dục tiểu học (6 năm) và trung học (trung học cơ sở 3 năm, trung học phổ thông 3 năm). Các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông mà du học sinh có thể vào học gồm 5 loại ① Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), ② Trường dạy nghề (Khóa chuyên môn Trường dạy nghề), ③ Cao đẳng, ④ Đại học (Khoa), ⑤ Sau đại học. Tùy vào tư cách pháp nhân khi thành lập trường, các cơ sở giáo dục được chia thành quốc lập, công lập và tư lập.



1. Lịch học và các học kỳ!

Năm học ở Nhật thường bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Rất nhiều trường của Nhật áp dụng chế độ semester (chế độ 2 học kỳ), học kỳ đầu từ tháng 4 đến tháng 9, học kỳ sau từ tháng 10 đến tháng 3. Cũng có trường áp dụng chế độ 3 học kỳ và chế độ quarter (chế độ 4 học kỳ). Nhật Bản thường nhập học vào tháng 4, tuy nhiên hệ sau đại học của nhiều trường đại học sẽ nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.




2. Điều kiện nhập học


Về nguyên tắc, để học tiếp lên đại học (khoa), cao đẳng, trường dạy nghề của Nhật Bản, cần phải hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy. Để học chuyển tiếp vào các trường kỹ thuật chuyên nghiệp phải hoàn thành chương trình học 11 năm, để học tiếp lên các trường có hệ sau đại học (khóa học thạc sĩ) phải hoàn thành chương trình học 16 năm

Trường hợp những học sinh đến từ các nước như Ấn Độ, Nepal, Bangladesh, Malaysia, Myanmar, Mông Cổ, Peru v.v. đã hoàn thành 10 hoặc 11 năm giáo dục tiểu học và giáo dục trung học muốn học tiếp lên đại học của Nhật Bản cần đáp ứng một trong số các điều kiện như dưới đây. Tuy nhiên, ngoài những điều kiện đó, cũng có trường yêu cầu đáp ứng những điều kiện khác của trường. Hãy hỏi trường bạn có dự định nhập học trong trường hợp bạn không rõ mình có đủ điều kiện nhập học hay không.

① Đang học năm 1 hoặc năm 2 tại các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông như khóa đào tạo dự bị trước khi vào học đại học tại Việt Nam và sẽ hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường chính quy.

② Hoàn thành khóa đào tạo dự bị^{*1} được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (chỉ áp dụng với những học sinh đã hoàn thành khóa học tương đương với cấp trung học phổ thông của Nhật Bản). Tuy nhiên, những học sinh đã hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học và giáo dục trung học chưa đủ 12 năm, trong trường hợp đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm tại những nước mà Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ^{*2} chỉ định thì cho dù chưa hoàn thành khóa đào tạo dự bị vẫn đủ điều kiện nhập học.

 ^{*1} “Khóa đào tạo dự bị” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định
https://www.jasso.go.jp/rugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

 ^{*2} “Khóa đào tạo trên 11 năm” do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định
http://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/shikaku/1380756.htm

3. Bảng cấp (học vị), chứng chỉ đạt được và thời gian đào tạo.

	Khóa học	Bảng cấp, chứng chỉ đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn
Sau đại học	Khoá học tiến sĩ ^{*1}	Tiến sĩ	5 năm
	Khoá học thạc sĩ	Thạc sĩ	2 năm
	Khoá học lấy bằng chuyên ngành	Thạc sĩ (chuyên ngành)	2 năm
		Tiến sĩ Luật (chuyên ngành)	3 năm
Đại học (Khoa)	Các khoa thông thường, Khoa được khóa 4 năm	Cử nhân	4 năm
	Y khoa, Nha khoa, Thú y, Khoa được khóa 6 năm		6 năm
Cao đẳng ^{*2 *5}	Khóa 2 năm	Cao đẳng	2 - 3 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Đại học nghề	—	Cử nhân (nghề)	4 năm
Cao đẳng nghề ^{*2 *5}	Khóa 2 năm	Cao đẳng (nghề)	2 năm
	Khóa 3 năm		3 năm
Trường KT chuyên nghiệp ^{*3 *4 *5}	—	Tương đương cao đẳng	3 năm (Thương mại hàng hải 3 năm 6 tháng)
Trường dạy nghề ^{*4}	Khóa học chuyên môn (Trường dạy nghề)	Chuyên môn	2 năm trở lên
		Chuyên môn cao cấp	4 năm trở lên

^{*1} Khóa đào tạo tiến sĩ được chia thành 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm, tương đương với thạc sĩ của Việt Nam) và giai đoạn sau (3 năm, tương đương với tiến sĩ của Việt Nam). Thời gian đào tạo bắt buộc của khóa đào tạo tiến sĩ ngành y học, nha khoa, được và thú y hệ 6 năm sau khi hoàn thành đủ 6 năm học bậc đại học là 4 năm.

^{*2} Sau khi tốt nghiệp cao đẳng có thể nhận được bằng “cử nhân” nếu học tiếp khóa chuyên ngành (1-2 năm).

^{*3} Thông thường, thời gian hoàn thành đào tạo tại các trường kỹ thuật chuyên nghiệp là 5 năm nhưng do học sinh được chấp nhận vào học từ năm thứ 3. Sau khi tốt nghiệp, nếu hoàn thành khóa chuyên ngành (2 năm) có thể nhận được bằng “cử nhân”.

^{*4} Danh xưng “Bậc cao đẳng” của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN), “chuyên môn” hoặc “chuyên môn cao cấp” của trường dạy nghề là chứng chỉ không phải bằng cấp.

^{*5} Có thể nhận được bằng “cử nhân” nếu hoàn thành khóa chuyên ngành của trường cao đẳng, khóa học nâng cao của Trường kỹ thuật chuyên nghiệp được Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) công nhận và vượt qua kỳ thi của NIAD-QE. Hãy xác nhận với trường bạn có nguyện vọng theo học để biết thêm thông tin chi tiết.



 **Tổ chức cấp học vị (National Institution for Academic Degrees and Quality Enhancement of Higher Education)**
https://www.niad.ac.jp/n_gakui/

Q Bảng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tại nước khác không?

A Thông thường, bằng cấp nhận được tại Nhật có giá trị tương đương với bằng cấp nhận được ở các nước khác. Tuy nhiên, tùy theo mỗi quốc gia, có những nơi Bộ giáo dục hoặc Cơ quan thẩm định (Tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp tư nhân v.v.) sẽ đánh giá bằng cấp nhận được ở nước ngoài. Bạn nên xác nhận trước với các cơ quan liên quan ở nước mình về vấn đề này.

ĐẠI HỌC (KHOA), CAO ĐẲNG

Là cơ sở giáo dục trung tâm của hệ thống đào tạo sau trung học phổ thông, về nguyên tắc thời gian đào tạo ở trường đại học là 4 năm, cao đẳng là 2 năm. Tùy từng trường sẽ có cơ chế sinh viên dự thính không chính quy, sinh viên tự do lựa chọn môn học. Bên cạnh chế độ du học dài hạn với mục đích lấy bằng, còn có chế độ du học ngắn hạn ngoài mục đích trên, tham khảo trang 18 để biết thông tin chi tiết.

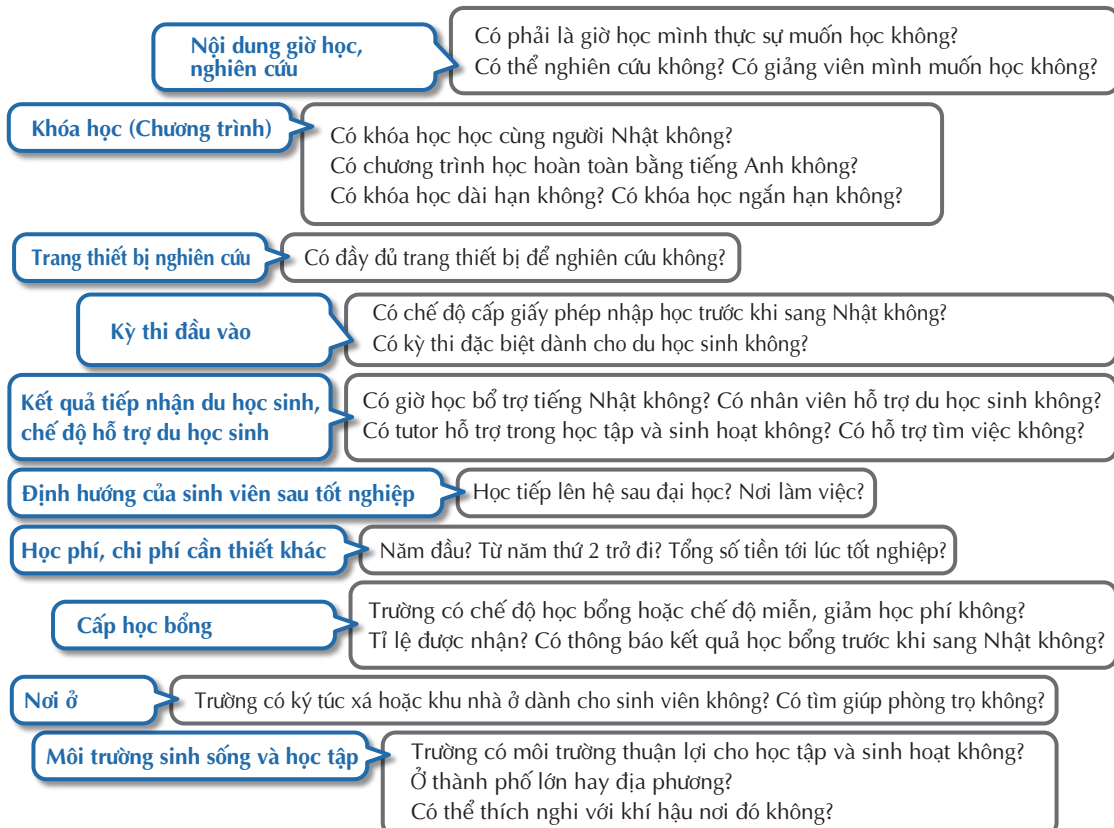
1. Hãy xác nhận điều kiện nhập học!

Cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
 - ② Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
 - ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
 - ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
 - ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp hoặc trong kì thi GCEA bạn đạt đủ điểm mà trường yêu cầu.
 - ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
 - ⑦ Đủ 18 tuổi, đủ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
 - ⑧ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục trường học ngoài các điều kiện trên.
 - ⑨ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
- * Từ ① - ③, nếu chương trình học không đủ 12 năm hoặc không hoàn thành khóa học được chỉ định ở nước ngoài, có những trường hợp cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.

2. Tìm trường

Đại học, Cao đẳng - Các điểm quan trọng khi chọn trường



Thông tin các trường đại học, cao đẳng (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Tra cứu các trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
<https://www.jpss.jp/ja/>



• Hướng dẫn nhập học vào các trường đại học dành cho du học sinh tư phí người nước ngoài

- Sách hướng dẫn tập hợp các thông tin cần thiết như nội dung thi đầu vào của các trường đại học, số người đỗ trong kỳ thi dành cho du học sinh v.v.
- Biên soạn, phát hành: The Asian Students Cultural Association (Phát hành, bán tại Nhật)
- Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu du học Nhật Bản (Trang 45)

3. Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ③ Bảng điểm trung học phổ thông/ Học bạ
- ④ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trường trung học phổ thông
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

5. Trường Đại học Nghề - Cao đẳng nghề là gì?

Là trường Đại học, Cao đẳng đào tạo lý luận, kiến thức kết hợp với các kỹ năng thực tiễn để người học trở thành các chuyên gia trong các lĩnh vực nghề nghiệp riêng biệt.

Phát huy năng lực sáng tạo phong phú và kỹ năng thực tiễn chuyên sâu thông qua hình thức học tập, thực hành trong các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên môn nghề của người học, thực hành phong phú bao gồm thực tập dài hạn trong các doanh nghiệp liên quan.

Sau khi tốt nghiệp các trường Đại học nghề, cao đẳng nghề, người học sẽ được cấp bằng “Cử nhân” hoặc “Cao đẳng” .

4. Kỳ thi đầu vào

Nhiều trường, ngoài kỳ thi đầu vào dành cho đối tượng là thí sinh người Nhật, còn tổ chức kỳ thi đầu vào dành cho người nước ngoài (du học sinh). Các trường sẽ đối chiếu các mục dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ hướng dẫn thi của trường đó.

- ① Đánh giá hồ sơ
- ② Kiểm tra học lực
- ③ Phỏng vấn
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Kiểm tra tính phù hợp và năng lực khác
- ⑥ Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ⑦ Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)
- ⑧ Kỳ thi đại học toàn quốc



6. Để tốt nghiệp, hoàn thành khóa học

Nếu tốt nghiệp và đạt đủ tiêu chuẩn dưới đây sẽ được cấp bằng Cử nhân
 Tùy từng trường Đại học, có những trường sẽ tự quy định điều kiện cần thiết và số tín chỉ tốt nghiệp.

Phân loại		Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Bằng cấp đạt được
Đại học (Khoa)	Khoa thông thường, Khoa được 4 năm	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân
	Khoa Y, Nha khoa, Thú y và Khoa dược hệ 6 năm	6 năm	Y khoa 188 tín chỉ trở lên Nha khoa 182 tín chỉ trở lên Thú y 182 tín chỉ trở lên Dược 186 tín chỉ trở lên	
Cao đẳng	Chương trình học 2 năm	-	62 tín chỉ trở lên	Cao đẳng
	Chương trình học 3 năm	-	93 tín chỉ trở lên	
Đại học nghề	-	4 năm	124 tín chỉ trở lên	Cử nhân (nghề)
Cao đẳng nghề	Chương trình học 2 năm	-	93 tín chỉ trở lên	Cao đẳng (nghề)
	Chương trình học 3 năm	-	124 tín chỉ trở lên	

* Các trường Đại học nghề có chia thành 2 kỳ học, sau khi hoàn thành xong kỳ đầu tiên thì có thể nhận được chứng chỉ “Chuyên môn nghề” tương đương “Cao đẳng”

Sau đại học



1. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Khóa học Thạc sĩ, Tiến sĩ (Giai đoạn đầu/ Kỳ đầu)

- ① Đã tốt nghiệp đại học ở Nhật.
- ② Nhận được bằng cử nhân do Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE) cấp.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm ngoài nước Nhật.
- ④ Nhận được bằng tương đương với bằng cử nhân do đã hoàn thành khóa học 3 năm trở lên tại các trường đại học ngoài nước Nhật.
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học 16 năm tại các cơ sở giáo dục được chỉ định có chương trình đại học nước ngoài tại Nhật Bản.
- ⑥ Đã tốt nghiệp trường dạy nghề được chỉ định.
- ⑦ Đủ 22 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp đại học theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

2. Khóa học Tiến sĩ (Giai đoạn sau/ Kỳ sau)

- ① Có bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề của Nhật.
- ② Có bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề ở ngoài nước Nhật.
- ③ Nhận được bằng tương đương với bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề tại nước Nhật do đã hoàn thành chương trình học được chỉ định là chương trình sau đại học của nước ngoài.
- ④ Đã tốt nghiệp đại học, có trên 2 năm nghiên cứu tại các trường đại học, trung tâm nghiên cứu (bao gồm cả đại học, trung tâm nghiên cứu ngoài nước Nhật), là người được công nhận có học lực tương đương người có bằng Thạc sĩ, bằng chuyên môn.
- ⑤ Đã đủ 24 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người có bằng Thạc sĩ hoặc bằng chuyên môn hành nghề theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường Sau đại học.

3. Khóa học Tiến sĩ (Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y)

Tùy theo chương trình học mà hồ sơ nhập học có sự khác nhau nên hãy liên hệ với các trường trước khi nộp hồ sơ vào các khóa học Y khoa, Nha khoa, một phần khóa học Dược, Thú y.

2. Bản kế hoạch nghiên cứu

Bản kế hoạch nghiên cứu là bản ghi rõ đề tài và cách thức nghiên cứu như thế nào. Hầu hết các trường Sau đại học đều yêu cầu nộp bản kế hoạch nghiên cứu.

Nội dung như dưới đây.

- ① Mục đích nghiên cứu
- ② Bối cảnh nghiên cứu
- ③ Ý nghĩa
- ④ Phương pháp
- ⑤ Tài liệu tham khảo v.v.



Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế

Bạn có thể học được cách viết bản kế hoạch nghiên cứu hoặc những điều cần chuẩn bị cho kỳ thi vấn đáp.

Tác giả: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd. (Phát hành tại Nhật)

※ Có thể xem các kênh thông tin công khai tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản (Trang 45)

Hình thức và số từ được quy định khác nhau tùy từng trường. Về cơ bản, khoảng 2,000 từ. Để viết bản kế hoạch nghiên cứu, điều quan trọng là phải tìm kiếm luận văn liên quan tới lĩnh vực mà mình muốn nghiên cứu. Những nghiên cứu đó đã tiến hành đến đâu, vấn đề còn lại là gì...

Điểm quan trọng khi đánh giá:

- ① Nguyên vọng, ý muốn khi nghiên cứu
- ② Năng lực phát hiện vấn đề
- ③ Năng lực phân tích sự việc
- ④ Tư duy logic
- ⑤ Kiến thức chuyên môn

Tra cứu luận văn

CiNii Articles
<https://ci.nii.ac.jp/>

3-1 Tìm trường

 **Thông tin Sau đại học (JASSO)**
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

 **Tra cứu các trường Sau đại học (JAPAN STUDY SUPPORT)**
<https://www.jpss.jp/ja/>

3-2 Giáo sư hướng dẫn

Giáo sư hướng dẫn là người sẽ hướng dẫn kế hoạch học tập và nghiên cứu, do đó về cơ bản phải tự tìm giáo sư hướng dẫn. Có trường yêu cầu tìm giáo sư hướng dẫn trước khi nộp hồ sơ rồi sau đó mới đồng ý tiếp nhận.

Cách tìm giáo sư hướng dẫn

- Nhờ giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học giới thiệu giúp.
- Tìm thông tin trên báo, thông tin từ cựu du học sinh tại Nhật Bản, các nhà nghiên cứu tại nước mình.
- Tìm thông tin trên các trang web.
- Nhờ trường bạn muốn theo học giới thiệu giúp.



Lời khuyên từ Sempai

Giáo sư hướng dẫn rất quan trọng trong cuộc sống của sinh viên. Hãy hỏi Sempai những thông tin liên quan tới giáo sư hướng dẫn và đánh giá xem có hợp với bản thân mình hay không.

4-1 Hồ sơ cần nộp

Nếu muốn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học, có những trường yêu cầu phải dự thi trực tiếp, nhưng cũng có trường mong muốn bạn học tiếp lên các khóa chính quy Sau đại học sau khi hoàn thành khóa “nghiên cứu sinh”.

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ③ Bảng điểm trung học phổ thông/ Học bạ
- ④ Thư tiến cử của Hiệu trưởng hoặc Giáo viên trường trung học phổ thông
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật hoặc tiếng Anh
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

Tra cứu nhà nghiên cứu

 **researchmap**
<https://researchmap.jp/search/>

Liên hệ với giáo sư hướng dẫn và trường đại học

Bạn cần viết rõ ràng, cụ thể thành quả nghiên cứu, kế hoạch nghiên cứu của mình và lý do chọn giáo sư đó, nếu có thêm thư tiến cử của giáo sư hướng dẫn của trường nơi bạn đã theo học là tốt nhất. Vì giáo sư chỉ có thể đánh giá năng lực của bạn dựa trên các giấy tờ nên bạn cần trao đổi với giáo sư nhiều lần để họ thấy được sự nhiệt huyết của bạn. Tham khảo cách viết email cho giáo sư hướng dẫn trong cuốn “Phương pháp viết bản kế hoạch nghiên cứu thực tế” đã giới thiệu ở trên.



Lời khuyên

Sinh viên nghiên cứu/Nghiên cứu sinh (Research student) là gì?

Sinh viên nghiên cứu (âm Hán Việt là “Nghiên cứu sinh”) là những sinh viên không chính quy như dưới đây:

- ① Là người theo học để nghiên cứu trong thời gian ngắn không có mục đích lấy bằng (Chủ yếu là Sau đại học)
- ② Là người theo học với tư cách là sinh viên du học ngắn hạn dựa trên hiệp định giao lưu giữa các trường đại học (Đại học, Sau đại học)
- ③ Là người theo học trong thời gian chuẩn bị nhập học khóa chính quy Sau đại học (Chủ yếu là sinh viên đã tốt nghiệp đại học)

Ghi chú: Nhiều trường cho phép nhập học chỉ thông qua đánh giá hồ sơ.

Tư cách lưu trú: Sinh viên nghiên cứu (“Nghiên cứu sinh”) muốn nhận được tư cách lưu trú “du học” cần tham gia giờ học ít nhất 10 giờ 1 tuần. Ngoài ra, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu không có thù lao bất kể có nghe giảng hay không cần có tư cách lưu trú là “hoạt động văn hóa”.

4-2 Thời gian nộp hồ sơ

Hầu hết các trường tuyển sinh từ mùa hè đến tháng 10, tháng 11 và tháng 1. Thời gian nhập học cho hai đợt tuyển sinh trên thường vào tháng 4. Cũng có trường nhập học vào tháng 9 hoặc tháng 10.

4-3 Kỳ thi đầu vào

Các trường căn cứ các tiêu chí dưới đây để tuyển chọn. Tùy từng trường sẽ có cách thức thi tuyển khác nhau, hãy xem kỹ trên trang web của trường.

- ① Đánh giá hồ sơ (Hồ sơ nộp)
- ② Kiểm tra học lực (Kiểm tra chuyên môn hoặc thi viết các môn được chỉ định)
- ③ Phỏng vấn (Trực tiếp hoặc online)
- ④ Viết tiểu luận, bài văn
- ⑤ Thi vấn đáp đối với các môn chuyên ngành (Trực tiếp hoặc qua điện thoại v.v.)

5. Nghề chuyên môn Sau đại học là gì?

Là khóa đào tạo hướng tới việc bồi dưỡng những chuyên gia có năng lực chuyên môn cao, có thể trở thành nhà lãnh đạo trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Có những nghề chuyên môn sau đại học tiêu biểu như: Hệ sau đại học khoa luật đào tạo chuyên gia luật, hệ sau đại học đào tạo giáo viên, ngoài ra còn có hệ sau đại học trong các lĩnh vực như thương mại và MOT, kế toán, chính sách công v.v. Có cả khóa MBA học bằng tiếng Anh.

6. Để hoàn thành khóa học

Khóa học	Bằng cấp đạt được	Số năm đào tạo tiêu chuẩn	Số tín chỉ đạt được	Khác
Khóa học Tiến sĩ	Tiến sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên (bao gồm số tín chỉ tích lũy ở khóa học Thạc sĩ)	Đánh giá luận văn Tiến sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa học Thạc sĩ	Thạc sĩ	5 năm	30 tín chỉ trở lên	Đánh giá luận văn Thạc sĩ và đỗ trong kỳ thi
Khóa cấp bằng chuyên ngành	Thạc sỹ (chuyên ngành)	2 năm	30 tín chỉ trở lên	
	Tiến sỹ luật (chuyên ngành)	3 năm	93 tín chỉ trở lên	
	Thạc sỹ giáo dục (chuyên ngành)	2 năm	45 tín chỉ trở lên	

* Có trường hợp khóa học tiến sĩ sau đại học được chia làm 2 giai đoạn là giai đoạn đầu (2 năm) và giai đoạn sau (3 năm).

* Ngành Y khoa, nha khoa đào tạo 6 năm và ngành dược, thú ý hệ 6 năm cần 4 năm đào tạo bắt buộc cho khóa học Tiến sĩ.



Khoá học bằng tiếng Anh

Trong xu hướng toàn cầu hóa, các trường đại học, sau đại học của Nhật Bản đang tích cực mở mới các “chương trình học bằng tiếng Anh được cấp bằng”. Tuy nhiên, tại các Trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề không có các chương trình như vậy.

1. Chọn trường

 Những chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

 Tra cứu thông tin trường đại học, cao đẳng (JAPAN STUDY SUPPORT)
<https://www.jpss.jp/ja/>

2. Hồ sơ cần nộp

Ngoài những giấy tờ thông thường (xem trang 13, trang 15), nhiều trường hợp cần nộp thêm các giấy tờ sau:

- ① Chứng chỉ năng lực tiếng Anh (bảng điểm của các kỳ thi phổ biến như TOEFL, IELTS v.v.).
- ② Bản chứng nhận năng lực học tập (hệ đại học cần bảng điểm của kỳ thi du học Nhật Bản (EJU), SAT, bảng điểm tốt nghiệp trung học phổ thông.)

3. Phương pháp tuyển chọn

- ① Đánh giá hồ sơ
- ② Phỏng vấn (phỏng vấn trực tiếp tại nước, khu vực bạn đang sinh sống; phỏng vấn online)
- ③ Khác

Điểm tiếng Anh cần đạt được

	TOEFL iBT	IELTS
Sau đại học	75-80	6
Đại học	71-80	5.5-6

Top 10 trường đại học có tỷ lệ “giờ học hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ môn ngôn ngữ)” cao trong tổng số các giờ học

Stt	Tên trường	Tỉnh	%
1	Đại học quốc tế Akita (AIU)	Akita	98.0
2	Đại học Châu Á Thái Bình Dương Ritsumeikan	Oita	88.9
3	Đại học quốc tế Miyazaki	Miyazaki	40.3
4	Đại học Ohkagakuen	Aichi	30.7
5	Đại học thương mại và kinh doanh Nagoya	Aichi	26.4
6	Đại học quốc tế Christian	Tokyo	22.3
7	Đại học Osaka Jogakuin	Osaka	18.7
8	Đại học Sophia	Tokyo	16.0
9	Đại học ngoại ngữ Kansai	Osaka	15.9
10	Đại học Hitotsubashi	Tokyo	15.1

Nguồn: Ghi chép của các địa phương dựa trên bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới bản tiếng Nhật

Lời khuyên

Tôi cũng muốn học tiếng Nhật!

Tùy từng trường sẽ có chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh. Tuy nhiên, cũng có trường hợp số tín chỉ đó được chấp nhận hoặc không. Ngoài ra, đôi khi cần đóng phí nghe giảng riêng.

Lời khuyên từ Sempai

Mặc dù theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, nhưng nếu bạn có thể giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Nhật hoặc học chữ Hiragana, Katakana thì việc sinh hoạt ở Nhật sẽ dễ dàng hơn. Ngoài ra, cũng là sẽ thuận lợi hơn khi tìm việc.

Số lượng các khóa học trong chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh

Lĩnh vực chuyên môn	Đại học	Sau đại học
Khoa học nhân văn	11	25
Khoa học xã hội	13	124
Giáo dục học	0	8
Khoa học	7	214
Kỹ thuật	17	571
Nông nghiệp, thủy sản, thú y	3	83
Y khoa, sức khỏe học	1	104
Khoa học cuộc sống	0	0
Nghệ thuật học	0	8
Khoa tổng hợp, liên ngành	48	65

Nguồn: Theo điều tra của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (tính đến thời điểm tháng 3/2018)

DU HỌC NGẮN HẠN, HỌC CHUYỂN TIẾP

1. Du học ngắn hạn

“Du học ngắn hạn” là du học từ khoảng vài tuần đến 1 năm với tư cách là “sinh viên không chính qui” không phải với mục đích nhận bằng cấp.

Ngôn ngữ sử dụng trong giờ học: có trường hợp dạy bằng tiếng Nhật, tiếng Anh hoặc đôi khi cả tiếng Nhật và tiếng Anh.

Hình thức khóa học, có trường hợp được xếp lớp riêng dành cho du học sinh ngắn hạn, nhưng phổ biến hơn cả là tham gia các giờ học trong khoa, bộ môn một cách

Du học ngắn hạn có 5 đặc trưng tiêu biểu sau:

	Thông tin	Tín chỉ	Nơi đóng học phí	Liên hệ
Du học trao đổi	Là chế độ du học tại các trường đại học có ký hiệp định trao đổi sinh viên.	Tín chỉ tích lũy ở trường bạn du học thông thường được chấp nhận ở trường bạn đang theo học trong phạm vi hiệp định giao lưu.	Thông thường là trường đang theo học (được miễn học phí tại trường bạn du học)	Trường trong nước đang theo học
Chương trình khác ngoài “du học trao đổi”	Là chương trình mà du học sinh không thuộc trường có ký kết hiệp định giao lưu sinh viên cũng có thể tham gia *1	Tùy từng chương trình, có thể tích lũy tín chỉ hoặc không.	Thông thường là trường bạn du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
Nghiên cứu sinh *2	Đối với những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, có thể nghiên cứu chuyên môn tại khoa sau đại học từ 6 tháng đến 1 năm với tư cách “nghiên cứu sinh”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
Sinh viên dự thính *2	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “dự thính”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học
Sinh viên tự do lựa chọn môn học *2	Là chế độ tham dự giờ học với mục đích “tích lũy tín chỉ”.	Không thể tích lũy	Trường du học	Trường đại học của Nhật nơi bạn du học

*1 Tra cứu các trường đại học có chương trình ngắn hạn (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

*2 Theo quy định, để có tư cách lưu trú “du học”, cả nghiên cứu sinh dự thính, sinh viên dự thính và sinh viên tự do lựa chọn môn học cần phải “dự thính ít nhất 10 tiếng trở lên trong 1 tuần”. Ngoài ra, bất kể có nghe giảng hay không, cần có tư cách lưu trú “hoạt động văn hóa” đối với nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu không có thù lao.

Q Có học bổng dành cho du học ngắn hạn không?

A Có những loại học bổng sau:

① Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh tiếng Nhật và du học sinh nghiên cứu văn hóa Nhật Bản.

Đối tượng: sinh viên đang theo học tại các trường đại học (các khoa) và nghiên cứu các lĩnh vực liên quan tới tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản.
Số tiền cấp hàng tháng: 117,000 JPY

Liên hệ: ① Tiến cử bởi Đại sứ quán: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước sở tại
② Tiến cử bởi trường đại học: Trường đại học của Nhật đang theo học

② Học bổng được cấp theo chế độ hỗ trợ du học nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định) của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

Đối tượng: sinh viên du học theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.
Số tiền cấp hàng tháng: 80,000 JPY

Liên hệ: Trường trong nước đang theo học
Ngoài những học bổng trên, có trường hợp các trường đại học hoặc tổ chức sẽ cấp học bổng riêng, hãy hỏi trường nơi bạn du học để biết thêm thông tin chi tiết.



2. Hãy tìm hiểu về học chuyển tiếp, học liên thông!

Mặc dù có nhiều trường có chế độ học chuyển tiếp, học liên thông nhưng tình hình thực tế có nhiều thay đổi như sau:

- Không phải năm nào cũng thực hiện.
- Không phải tất cả các khoa, các bộ môn đều thực hiện.
- Không nhất thiết sẽ công nhận số năm học đã hoàn thành hoặc số tín chỉ đã đạt được trước đó.

Để học chuyển tiếp, học liên thông vào các trường đại học (khoa) cần đáp ứng một trong số các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp trường cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, người có bằng chuyên môn (người đã tốt nghiệp trường dạy nghề), người đã hoàn thành khoa chuyên môn của trường trung học phổ thông.
- Sinh viên đã hoàn thành chương trình đại học chính quy năm nhất trở lên và tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu, sinh viên đã tốt nghiệp đại học hệ 4 năm.

Thông tin về chế độ học chuyển tiếp, học liên thông ít hơn so với thông tin về kỳ thi nhập học thông thường. Hãy nhanh chóng hỏi trực tiếp các trường bạn có nguyện vọng học để biết thông tin chi tiết.

i Tra cứu các trường đại học có chế độ học chuyển tiếp (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp là cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông được gọi là “KOSEN”. Tiến hành đào tạo cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong vòng 5 năm (đối với ngành thương mại hàng hải là 5 năm rưỡi). Thông thường, du học sinh nước ngoài sẽ học liên thông vào năm thứ 3. Trên toàn nước Nhật có 51 trường và 55 Campus. Trường không chỉ trường quốc lập mà trường công lập và tư lập cũng có KOSEN.

1. Đặc thù đào tạo

- Là cơ sở đào tạo kỹ thuật viên thực hành có thể thích ứng nhanh chóng với khoa học kỹ thuật tiên tiến, học hỏi kỹ thuật mang tính ứng dụng trên thế giới trên cơ sở đào tạo lý thuyết nâng cao kết hợp coi trọng thực nghiệm, thực tập và thực hành.
- Có nhiều môn chuyên ngành trong lĩnh vực công nghệ, ngoài ra còn có khoa thương mại hàng hải mục đích là đào tạo các thuyền viên.
- Sau khi hoàn thành khóa học 5 năm, người học có thể nhận được bằng “Bậc cao đẳng”.
- Sau khi kết thúc khóa học 5 năm, còn có chế độ đào tạo nâng cao thêm 2 năm.
- Sau khi hoàn thành khóa chuyên ngành và vượt qua vòng đánh giá của Tổ chức hỗ trợ cải cách đại học và cấp học vị (NIAD-QE), người học có thể nhận bằng “cử nhân”.

2. Điều kiện học liên thông

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau (trường hợp KOSEN quốc lập)

- ① Đã hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
- ② Đủ kỳ thi đánh giá học lực tương đương chương trình học 11 năm ngoài nước Nhật.
- ③ Đã hoàn thành chương trình học tại các trường dành cho người nước ngoài ở Nhật đã được chỉ định tương đương với trung học phổ thông tại nước ngoài.
- ④ Có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp.
- ⑤ Đã hoàn thành chương trình học 11 năm tại các trường dành cho người nước ngoài tại Nhật được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
- ⑥ Đủ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- ⑦ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục ngoài các điều kiện trên.
- ⑧ Những người được công nhận có năng lực học tập tương đương học sinh tốt nghiệp THPT trở lên.

Trong các mục từ 1 -> 3, Trường hợp không thỏa mãn điều kiện của Chương trình đào tạo 11 năm, thì phải hoàn thành khóa học tại cơ sở đào tạo hoặc khóa dự bị tại cơ sở thực tập được chỉ định bởi Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

3-1 Du học bằng học bổng Chính phủ

Học bổng chính phủ Nhật Bản (Monbukagakusho) dành cho du học sinh trường KOSEN.

Liên hệ: Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước mình

3-2 Trường hợp du học tự túc

1 Giấy tờ cần nộp

Giấy tờ cần nộp có mẫu thống nhất vì Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp tổ chức thi tuyển chọn chung cho các trường KOSEN quốc lập. Hãy kiểm tra thông tin trên trang web của Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp

2 Thi đầu vào

Hiệp hội các trường kỹ thuật chuyên nghiệp sẽ đánh giá tổng hợp các mục dưới đây để quyết định đỗ, trượt.

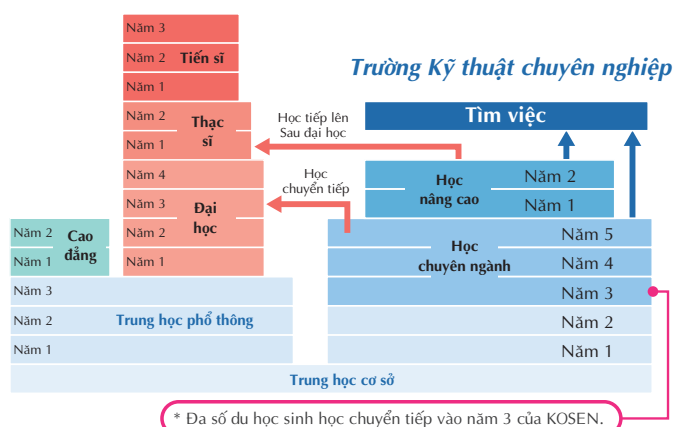
- ① Đơn xin học
- ② Kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
- ③ Bảng điểm thi TOEFL, IELTS hoặc TOEIC
- ④ Đánh giá qua phỏng vấn

Phỏng vấn cần được thực hiện ở Nhật.

 **Hiệp hội các trường KOSEN quốc lập:**
<http://www.kosen-k.go.jp/>

4. Cơ hội sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp KOSEN, có thể lựa chọn đi làm hoặc học lên. Có ít nhất 20 công ty TNHH đăng ký tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp KOSEN. Rất nhiều sinh viên tốt nghiệp KOSEN đã và đang rất thành công trong các lĩnh vực sản xuất, quản lý sản xuất, phát triển nghiên cứu bằng cách áp dụng những kiến thức và kỹ thuật đã được đào tạo tại trường. Có nhiều du học sinh học liên thông lên các trường đại học quốc lập.



* Đa số du học sinh học chuyển tiếp vào năm 3 của KOSEN.

TRƯỜNG DẠY NGHỀ (KHÓA CHUYÊN MÔN TRƯỜNG DẠY NGHỀ)

Trường dạy nghề còn được gọi là “trường chuyên môn” là một trong các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông có các khóa chuyên ngành trong trường dạy nghề. Là cơ sở giáo dục với mục đích nâng cao kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp và cuộc sống thực tế, rèn luyện kỹ thuật, kỹ năng và nâng cao trình độ văn hóa. Ngoài khóa đào tạo trên 2 năm có thể nhận được chứng chỉ “chuyên môn”, còn có các khóa đào tạo 4 năm trở lên có thể nhận được chứng chỉ “chuyên môn cao cấp” hướng tới việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cao hơn.

1. Đặc thù đào tạo là?

Trường dạy nghề phân chia thành 8 chuyên ngành lớn là: ① Y khoa, ② Công nghiệp, ③ Văn hóa, đào tạo, ④ Thực tiễn thương mại, ⑤ Vệ sinh, ⑥ Giáo dục, phúc lợi xã hội, ⑦ Thời trang, Công việc gia đình, ⑧ Nông nghiệp. Ví dụ, có thể học những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các công việc dưới đây:

Nhà thiết kế nội thất, Kiến trúc sư, Kỹ sư hệ thống, thợ sửa ô tô, Điều dưỡng, Chuyên gia dinh dưỡng, Đầu bếp, thợ làm bánh, thợ làm tóc, Kế toán viên hành nghề chính thức, Thông dịch viên, Biên dịch viên, Tiếp viên hàng không, Nhân viên khách sạn, Người chăm sóc trẻ, Người giúp việc, Nhà thiết kế thời trang, Sản xuất phim hoạt hình, Đạo diễn phim, Nghệ sĩ biểu diễn, Nhà thiết kế Game, Nhà thiết kế trang sức v.v.

2. Năng lực tiếng Nhật cần thiết

Các giờ học ở trường dạy nghề đều dạy bằng tiếng Nhật nên sinh viên phải có năng lực tiếng Nhật.

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã học tiếng Nhật 6 tháng trở lên tại cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.
- ② Đã đỗ N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT) do Quỹ hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản (Japan Educational Exchanges and Services) và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation) tổ chức.
- ③ Đã từng học trên 1 năm tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông của Nhật.
- ④ Đạt 200 điểm trở lên (tổng điểm môn tiếng Nhật (đọc hiểu, nghe hiểu và nghe đọc hiểu)) trong kỳ thi du học Nhật Bản (EJU).
- ⑤ Đạt 400 điểm trở lên trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT do Hiệp hội kiểm tra năng lực chữ Hán tổ chức.

3. Điều kiện nhập học

Cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ① Đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các trường ngoài nước Nhật.
- ② Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi kiểm tra học lực tương đương hoàn thành chương trình học 12 năm ngoài nước Nhật.
- ③ Đủ 18 tuổi, hoàn thành việc học tại các trường dành cho người nước ngoài đã được chỉ định tại Nhật, tương đương với trường trung học phổ thông ngoài nước Nhật.
- ④ Đã hoàn thành chương trình học trên 11 năm ngoài nước Nhật, được Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định.
- ⑤ Đủ 18 tuổi, có bằng Tú tài quốc tế, bằng Abitur, bằng Tú tài Pháp.
- ⑥ Đủ 18 tuổi, đã hoàn thành chương trình học 12 năm tại các cơ sở giáo dục được các tổ chức đánh giá quốc tế (WASC, CIS, ACSI) công nhận.
- ⑦ Đủ 18 tuổi, đỗ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.
- ⑧ Đủ 18 tuổi, được công nhận có học lực tương đương hoặc cao hơn người đã tốt nghiệp trung học phổ thông theo đánh giá điều kiện nhập học riêng của từng trường.
- ⑨ Đáp ứng được một trong các điều kiện nhập học theo luật giáo dục ngoài các điều kiện trên.

* Từ ① ~ ③, nếu chương trình học không đủ 12 năm cần hoàn thành khóa đào tạo dự bị được chỉ định hoặc hoàn thành chương trình học của cơ sở thực tập.



4. Chọn trường

Trường dạy nghề, Điểm quan trọng khi chọn trường!

① Trường được cấp phép chính thức	Là trường được tỉnh trưởng cấp phép hoạt động không? Nếu là trường không được cấp phép, sẽ không lấy được chứng chỉ “chuyên môn”.
② Nội dung đào tạo, số lượng giáo viên	Chương trình đào tạo thế nào? Tỉ lệ giáo viên và học sinh?
③ Cơ sở vật chất, thiết bị	Có trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hành về mặt kỹ thuật không?
④ Hướng dẫn tìm việc, định hướng cho sinh viên sau tốt nghiệp	Phương châm hướng dẫn tìm việc? Nơi làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp?
⑤ Học phí	Năm đầu? Tổng số tiền tới lúc tốt nghiệp? Khi nào đóng học phí?
⑥ Đánh giá của mọi người	Hãy sử dụng mạng lưới liên lạc của sinh viên đã tốt nghiệp và du học sinh để hỏi.



Lời khuyên

Điều kiện tốt nghiệp

Hãy xác nhận với trường xem có phải là chương trình được cấp chứng chỉ “chuyên môn” hay không.

① Tra cứu trường dạy nghề (Hiệp hội các trường dạy nghề Tokyo)
<https://tsk.or.jp>

② Danh sách các Trường dạy nghề tiếp nhận du học sinh (Hiệp hội đào tạo kỹ thuật và đào tạo nghề)
<http://www.sgec.or.jp/ryuugakuguide/search/>

5. Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học (Theo mẫu của trường)
- ② Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông
- ③ Bảng điểm của cấp học gần nhất
- ④ Giấy xác nhận tỷ lệ tham dự giờ học tại các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, bảng điểm (trường hợp sống ở Nhật)
- ⑤ Giấy chứng nhận năng lực tiếng Nhật (trường hợp sống ở ngoài nước Nhật)
- ⑥ Giấy tờ khác

Giấy tờ nộp sẽ khác nhau tùy từng trường, ngoài ra có những trường hợp phải dịch sang tiếng Nhật hoặc tiếng Anh nên hãy hỏi trực tiếp trường có nguyện vọng theo học để nắm được thông tin chi tiết.

6. Kỳ thi đầu vào

Tổ chức kết hợp nhiều vòng thi như: ① đánh giá hồ sơ, ① kiểm tra học lực, ③ phỏng vấn, ④ viết luận, ⑤ kiểm tra năng khiếu, ⑥ kiểm tra kỹ năng thực tế, ⑦ thi tiếng Nhật v.v.

Thi đầu vào tập trung đánh giá các yếu tố sau ① Mục đích vào học ① Có năng lực tiếng Nhật và học lực để theo học sau khi vào học không ③ Có ý muốn học tập không.

7. Sự khác biệt giữa bằng chuyên môn và bằng chuyên môn cao cấp

	Bằng chuyên môn	Bằng chuyên môn cao cấp
① Thời gian học	2 năm trở lên	4 năm trở lên
② Thời lượng học	1.700 giờ học trở lên	3.400 giờ học trở lên
③ Đánh giá tốt nghiệp	Đánh giá tốt nghiệp qua kết quả thi tốt nghiệp khóa học	
④ Tổ chức khóa học	—	Khóa học được tổ chức có hệ thống
⑤ Cơ hội sau khi tốt nghiệp	Được học chuyển tiếp vào Đại học	Được học chuyển tiếp hệ sau đại học

CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TIẾNG NHẬT

Là các cơ sở dạy tiếng Nhật cho đối tượng người nước ngoài. Tại các cơ sở đào tạo sau trung học phổ thông, về cơ bản hầu hết các môn đều được dạy bằng tiếng Nhật. Để có thể tham dự giờ học tại các trường tiếng Nhật cần đạt mức N1 hoặc N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Trình độ này được cho là tương đương với mức học tiếng Nhật 600 ~ 900 tiếng trở lên. Tùy thuộc vào môi trường và sự nỗ lực của bản thân nhưng dù tập trung học ở Nhật thì cũng cần 1 hoặc 2 năm để đạt được trình độ đó.

1. Các loại cơ sở giáo dục tiếng Nhật và số lượng

Cơ sở giáo dục tiếng Nhật được phân loại dựa vào người/cơ quan thành lập, mục đích, điều kiện nhập học; tư cách lưu trú, số lượng trường, số lượng học sinh như sau:

	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		Các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của các trường đại học, cao đẳng tư lập (khóa bekka) ※4
Người/Tổ chức thành lập	Các trường có tư cách pháp nhân (trường dạy nghề và các loại hình trường khác), quỹ lợi ích cộng đồng có tư cách pháp nhân, công ty cổ phần, tổ chức đoàn thể, cá nhân v.v.		Đại học, cao đẳng tư lập
Mục đích	① Học tiếng Nhật※1 Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	② Học tiếng Nhật để học tiếp lên bậc cao hơn	Mục đích
Điều kiện nhập học	Người hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm	Người chưa hoàn thành chương trình đào tạo bậc trung học 12 năm ※2	Điều kiện nhập học
Số lượng	564	60	Số lượng
Thời gian khóa học	1 ~ 2 năm (thông thường)		1 ~ 2 năm
Tư cách lưu trú	Du học ※3		Du học
Số lượng người đang theo học	93,515 người		Khoảng 6,000 người

※1 Có những khóa có thể học tiếng Nhật cần thiết trong sinh hoạt hoặc tiếng Nhật thương mại.

Tùy vào hệ thống giáo dục của nước nhà, trường hợp quá trình đào tạo của các trường chính quy (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) không đủ 12 năm, trường hợp không hoàn thành khóa học được chỉ định thì không đủ điều kiện để nhập học vào các trường đại học của Nhật Bản v.v. Trong những trường hợp đó, nếu hoàn thành khóa đào tạo dự bị do Bộ Giáo dục, Văn hóa,

※2 Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định thì sẽ đủ điều kiện nhập học.

Trong khóa đào tạo dự bị, ngoài môn tiếng Nhật, sẽ được học các môn cơ bản cần thiết cho việc nhập học vào đại học như toán, xã hội, khoa học tự nhiên v.v.

※3 Việc nhận được tư cách lưu trú “du học” chỉ được giới hạn trong những cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định.

※4 Bekka là khóa đào tạo tiếng Nhật dành cho đối tượng du học sinh được gọi là khóa tiếng nhật dành cho du học sinh “Ryugaku Bekka” hoặc khóa tiếng Nhật đặc biệt “Nihongo Bekka” được thành lập ở các trường đại học, cao đẳng tư lập. Bạn sẽ được học tiếng Nhật, văn hóa Nhật Bản, tình hình Nhật Bản và các môn học cơ bản để học tiếp lên đại học. Nếu muốn học tiếp lên đại học, bạn có thể sử dụng chế độ tiến cử vào trường đại học có khóa Bekka, hoặc bạn có thể thi vào trường đại học khác. Ngoài ra, còn có một ưu điểm nữa là bạn có thể sử dụng thiết bị, dịch vụ trong trường.

2. Thời gian nộp hồ sơ và thời gian vào học

Nhập học tháng 4	Nhập học tháng 10	
Tháng 4 - 9	Tháng 10 - 2	Tập hợp hồ sơ, chuẩn bị hồ sơ, gửi bưu điện
Tháng 9 - 11	Tháng 2 - 4	Nộp hồ sơ
Tháng 1 - 3	Tháng 7 - 9	Thủ tục nhập cảnh, thủ tục nhập học
Tháng 4	Tháng 10	Bắt đầu tiết học khóa 1-2 năm Khóa 1 năm rưỡi

Ngoài ra, mặc dù ít nhưng cũng có một vài trường bắt đầu khóa học vào tháng 7 hoặc tháng 1.

Hãy bắt đầu chuẩn bị trong khoảng thời gian dư giả ít nhất là trước 6 ~ 9 tháng.



3. Hồ sơ cần nộp

- ① Đơn xin nhập học
- ② Sơ yếu lí lịch
- ③ Bảng điểm/Học bạ trung học phổ thông hoặc đại học
- ④ Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)
- ⑤ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính
- ⑥ Giấy tờ khác



Lời khuyên

Có thể chuyển trường không?

Về nguyên tắc không thể chuyển trường giữa các cơ sở giáo dục tiếng Nhật. Hãy xem thông tin trên trang web của trường, tài liệu hướng dẫn về trường, sổ tay giới thiệu trường hoặc hỏi ý kiến những sinh viên đã và đang học tại trường, thu thập thông tin và chọn trường một cách cẩn thận.

Các trường chú trọng vào việc đánh giá hồ sơ, tuy nhiên cũng có trường tổ chức phỏng vấn thí sinh, người bảo lãnh hoặc tổ chức thi viết.

4. Hãy tìm trường!

Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật, Điểm quan trọng khi chọn trường!

1 - Visa du học	Có thỏa mãn tiêu chuẩn mà Bộ Tư pháp quy định không? (Nếu không thỏa mãn thì không thể nhận được visa du học)
2 - Mục đích học là gì?	Giao tiếp hàng ngày? Học lên đại học? Tiếng Nhật thương mại?
3 - Tổ chức lớp học	Có tiến hành chia lớp theo trình độ tiếng Nhật của học sinh không? Một lớp có bao nhiêu người?
4 - Số lượng học sinh, giáo viên	Qui mô trường? Tỷ lệ học sinh và giáo viên?
5 - Tỷ lệ học sinh đến từ các nước	Học sinh đến từ các nước sử dụng chữ Hán nhiều không? Có sự quan tâm tới học sinh đến từ các nước không sử dụng chữ Hán không?
6 - Số giờ học	Tổng số giờ học hoặc số giờ học của từng môn?
7 - Lớp luyện thi	Có tổ chức ôn thi du học Nhật Bản (EJU) hoặc năng lực tiếng Nhật (JLPT) không? Có giờ học của môn cơ bản (tiếng Anh, toán, khoa học tự nhiên, lịch sử thế giới, địa lý v.v.) không?
8 - Tư vấn định hướng về học tập hoặc về sinh hoạt	Có tư vấn định hướng về học tập hoặc về sinh hoạt không?
9 - Nơi học tiếp lên của học sinh tốt nghiệp	Nơi học tiếp lên của học sinh đã tốt nghiệp? Có thể vào các trường có nguyện vọng nhập học không?
10 - Học phí	Số tiền có tương ứng với số giờ học, số lượng giáo viên, trang thiết bị không?
11 - Thi đầu vào	Chỉ đánh giá hồ sơ? Có phỏng vấn người bảo lãnh hoặc người cần liên lạc tại Nhật không? Có tuyển chọn học sinh ngoài nước Nhật không?
12 - Địa chỉ của trường	Ở thành phố lớn hay tỉnh lẻ? Có thể thích ứng với khí hậu nơi đó không?
13 - Nơi ở	Trường có ký túc xá hoặc khu nhà ở dành cho học sinh không? Có tìm giúp phòng trọ không?

A. Khóa tiếng nhật Bekka của các trường Đại học tư lập, cao đẳng



Danh sách các khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh của trường đại học, cao đẳng tư lập (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html

B. Danh sách Các cơ sở giáo dục tiếng Nhật được Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định (Mới có thể xin được Visa du học)



Danh sách các trường do Bộ Tư pháp chỉ định
http://www.moj.go.jp/nyuukokukanri/kouhou/nyukan_nyukanho_ho28-2.html



Thực trạng đào tạo ở các cơ sở giáo dục tiếng Nhật do Bộ Tư Pháp chỉ định (MEXT)
http://www.mext.go.jp/a_menu/koutou/ryugaku/1382482.htm



Tra cứu các cơ sở giáo dục tiếng Nhật (Hiệp hội Chấn hưng Giáo dục tiếng Nhật)
<https://www.nisshinkyoo.org/search/>



Hội liên hiệp trường tiếng Nhật toàn quốc (JALSA)
<http://www.jalsa.jp/>



Khóa đào tạo dự bị do Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ chỉ định (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/nihongokyouiku.html



Lời khuyên

Có khóa học bằng tiếng Anh không?

Số lượng các trường có chương trình học bằng tiếng Anh đã tăng lên! (Tham khảo Trang 23 – Chương trình học bằng tiếng Anh)
Những chương trình có thể nhận được bằng chỉ với giờ học bằng tiếng Anh (JASSO)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

C. Các trường nằm ngoài danh sách của Bộ trưởng Bộ Tư Pháp chỉ định sẽ không được cấp visa du học

KỶ THI DU HỌC NHẬT BẢN (EJU)



Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) là kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Nhật và trình độ kiến thức cơ bản (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, toán học) của những người có nguyện vọng du học đại học (khoa) của Nhật Bản.

Số lượng các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

Đại học	451 trường
Cao đẳng	90 trường
Sau đại học	67 trường
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	51 trường
Trường dạy nghề	146 trường
Tổng cộng	805 trường



Hơn nửa số trường đại học của Nhật (hầu như toàn bộ đại học quốc lập) sử dụng kết quả EJU để tuyển chọn sinh viên nhập học.

Cho dù cùng một trường đại học nhưng việc sử dụng kết quả EJU trong kỳ thi đầu vào tùy thuộc vào từng khoa nên hãy xác nhận xem khoa mình muốn vào học có cần kết quả EJU hay không tại trang web sau:

Các trường sử dụng kết quả kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) trong kỳ thi đầu vào https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/use/

(Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2018)

1. Thời gian thi khi nào?

Một năm tổ chức 2 lần

Lần 1: tháng 6

Lần 2: tháng 11

2. Địa điểm thi ở đâu?

Tại Nhật Bản: 16 thành phố

Ngoài Nhật Bản: 18 thành phố thuộc 14 quốc gia, khu vực
Những thành phố (ngoài nước Nhật) tổ chức thi EJU.

Ấn Độ (New Delhi), Indonesia (Jakarta, Surapaya), Hàn Quốc (Seoul, Busan), Sri Lanka (Colombo), Singapore, Thái Lan (Bangkok, Chiangmai), Đài Loan (Đài Bắc), Philippines (Manila), Việt Nam (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh), Hong Kong, Malaysia (Kuala Lumpur), Myanmar (Yangon), Mông Cổ (Ulaanbaatar), Nga (Vladivostok)

3. Môn thi EJU

Lựa chọn môn thi theo yêu cầu của trường. Thí sinh không thể cùng lúc chọn thi môn khoa học tự nhiên và môn khoa học xã hội.

Môn thi	Mục đích	Thời gian	Thang điểm	Chọn môn	Môn ngữ thi
Tiếng Nhật	Đánh giá trình độ tiếng Nhật (Tiếng Nhật học thuật) cần có để học tập hoặc nghiên cứu tại các trường đại học của Nhật.	125 phút	Đọc hiểu, Nghe hiểu và nghe đọc hiểu 0~400 điểm Viết 0~50 điểm	Chọn 2 môn trong số các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học.	Chỉ bằng tiếng Nhật
Học lực cơ bản	Khoa học tự nhiên Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về các môn khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) cần thiết để học tại các ngành thuộc khối khoa học tự nhiên trong các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm		Chọn 1 trong 2 chương trình, chương trình 1 (khoa học xã hội và khoa học tự nhiên sử dụng ít toán), chương trình 2 (sử dụng nhiều toán)
	Khoa học xã hội Đánh giá học lực cơ bản đối với môn khoa học xã hội đặc biệt là khả năng tư duy và lý luận cần thiết để học tại các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm		
	Toán học Đánh giá trình độ kiến thức cơ bản về môn toán cần thiết để học tại các trường đại học của Nhật.	80 phút	0~200 điểm		

(Ví dụ) Hướng dẫn tuyển sinh của trường đại học A (Chỉ các môn thi EJU)

Khoa	Tiếng Nhật	Khoa học xã hội	Toán học	Khoa học tự nhiên				Ngôn ngữ thi đánh giá học lực cơ bản	Áp dụng cho kỳ thi của đợt:
				Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tự chọn môn thi		
Khoa luật	○	○	Chương trình 1					Tiếng Nhật	Tháng 6/2019, Tháng 11/2019
Khoa kỹ thuật			Chương trình 2	○			Tự chọn 1 môn còn lại	Tiếng Anh	Tháng 6/2019

4. Lịch trình

		Lần 1	Lần 2	
①	Nộp hồ sơ	Tháng 2 ~ 3	Tháng 7	Thí sinh mua “Hướng dẫn dự thi”, nộp lệ phí thi và hồ sơ. * Thời gian nộp hồ sơ có thay đổi theo từng năm, hãy xác nhận kỹ.
②	Nhận phiếu dự thi	Tháng 5	Tháng 10	Gửi phiếu dự thi.
③	Ngày thi	Tháng 6	Tháng 11	Dự thi.
④	Nhận giấy báo kết quả	Tháng 7	Tháng 12	Gửi giấy báo kết quả. (Sau đó, JASSO sẽ cung cấp cho trường mà thí sinh nộp hồ sơ kết quả thi để đối chiếu).

Tùy vào thành phố dự thi, thí sinh sẽ đăng ký bằng hình thức gửi bưu điện hoặc online.

Cụ thể hãy xác nhận tại trang web sau:

 Cách thức nộp hồ sơ dự thi kỳ thi EJU
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/procedure/application.html

5. Lợi ích của kỳ thi EJU


① Học bổng của JASSO

Những du học sinh tư phí có kết quả thi EJU xuất sắc sẽ được nhận là sinh viên chính thức tại các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở đi) hoặc trường dạy nghề đều có thể đăng ký nhận học bổng của JASSO (học bổng khuyến khích học tập dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (chế độ đăng ký chương trình xúc tiến tiếp nhận du học sinh).

Số tiền: 48,000 yên / 1 tháng (Năm 2019)

Cách thức đăng ký: Đăng ký theo hướng dẫn khi nộp hồ sơ thi EJU.

Phương thức tuyển chọn: Tuyển chọn thí sinh có thành tích xuất sắc trong kỳ thi EJU


 Học bổng khuyến học dành cho Du học sinh dự thi kỳ thi EJU
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureihi/yoyakuseido/

② Không giới hạn số lần thi và độ tuổi! Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm!


Bạn có thể dự thi EJU bao nhiêu lần cũng được. Không bị giới hạn về độ tuổi. Thời gian có hiệu lực của kết quả thi là 2 năm (có thể sử dụng kết quả tối đa 4 lần) nhưng chỉ có thể nộp 1 lần kết quả cho 1 trường. Nhiều trường sẽ chỉ định thời gian phải dự thi, cho nên cần xem kỹ hướng dẫn tuyển sinh của trường đó.

③ Có thể nhập học trước khi sang Nhật

Được phép nhập học mà không cần sang Nhật dự thi nếu sử dụng kết quả thi EJU.

 Số trường sử dụng kết quả thi EJU và cho phép nhập học trước khi sang Nhật (khoảng 180 trường)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/prearrival/

6. Đề thi EJU các năm trước

 Mẫu đề thi các năm trước của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/pastpaper_sample/index.html

● Đề thi kỳ thi du học Nhật Bản EJU có kèm CD nghe hiểu, nghe đọc hiểu



Đề thi EJU của các năm.

Biên soạn, biên tập: JASSO

Phát hành: Bonjinsha Co., Ltd.


(Phát hành tại Nhật Bản và Hàn Quốc)

※ Có thể xem thông tin tại các cổng thông tin về tài liệu du học Nhật Bản (Trang 45)

Liên hệ

 Dự thi ở ngoài nước Nhật https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/contact/index.html

Cơ quan hợp tác tổ chức thi tại nước ngoài

 Dự thi trong nước Nhật Trung tâm tiếp nhận kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) TEL : 0570-55-0585 Email : eju@sdjc.co.jp
※ Điện thoại từ ngoài nước Nhật Tel: +81-42-649-9571

 Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) (JASSO)  https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/

 Kinh nghiệm của những người đã dự thi: https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/eju/examinee/voice/index.html

NHỮNG KỲ THI CẦN THIẾT ĐỂ DU HỌC NHẬT BẢN


Hãy xác nhận hướng dẫn tuyển sinh của trường có nguyện vọng nhập học và tham dự các kỳ thi được chỉ định.

1. Kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

Là kỳ thi được tổ chức với mục đích đánh giá và cấp chứng chỉ năng lực tiếng Nhật cho những người có tiếng mẹ đẻ khác tiếng Nhật. Kỳ thi được tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 ở cả trong và ngoài nước Nhật.

① Thi tại Nhật Bản

Japanese Language Learning Promotion Division, Japan Educational Exchanges and Services (JESS)
(Trung tâm tiếp nhận hồ sơ/ Ngày thường: 9:30~17:30)
TEL: (+81) 3-6686-2974

 Kiểm tra trình độ tiếng Nhật
(để thi JLPT tại Nhật Bản)
<http://info.jees-jlpt.jp/>


② Thi ngoài nước Nhật

Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
FAX: (+81) 3-5367-1025

 Kiểm tra trình độ tiếng Nhật (JLPT)
<https://www.jlpt.jp/>

2. Kỳ thi đại học toàn quốc

Là kỳ thi được tổ chức dành cho sinh viên Nhật Bản khi thi vào các trường đại học quốc lập, công lập hoặc một số trường đại học (khoa) tư lập. Đối với du học sinh nước ngoài, đa số các trường đại học không yêu cầu phải tham dự kỳ thi này, tuy nhiên một số khoa của một số trường đại học (chủ yếu là Y khoa, Nha khoa) sẽ yêu cầu dự thi.

 National Center for University Entrance Examinations
<https://www.dnc.ac.jp/>



3. Những kỳ thi cần thiết khác khi du học Nhật Bản

● Kỳ thi chứng nhận năng lực tiếng Anh

TOEFL, IELTS, TOEIC, Đánh giá kỹ năng tiếng Anh thực tế (Kiểm tra tiếng Anh)

● Kỳ thi chứng nhận học lực sau khi hoàn thành giáo dục phổ thông

SAT, ACT, International Baccalaureate Exams, kết quả thi đại học tại nước mình

Lời khuyên

Rất nhiều các trường Đại học của Nhật yêu cầu nộp chứng chỉ tiếng Anh trong bộ hồ sơ. Trong thời gian học ở trường tiếng Nhật hãy dự thi và chuẩn bị trước!



Nhật ký Campus 2

Một ngày của Du học sinh trôi qua như thế nào nhỉ? Trả lời cho câu hỏi này của các bạn, hãy cùng xem một ngày của các Sempai như thế nào! Hãy cùng lắng nghe các Du học sinh đang cố gắng nỗ lực mỗi ngày để biến giấc mơ thành hiện thực



Tôi mong muốn có thể phát huy những tri thức, kinh nghiệm đã học tập ở Nhật Bản, giải quyết các vấn đề đô thị và cống hiến cho Mông Cổ.

Khóa tiến sỹ, khoa Kỹ thuật đô thị, Đại học Tokyo
Ganzorig Ibsan Jam (Mông Cổ)

Ở đại học tôi học ngành kiến trúc, và đi theo con đường thiết kế. Tốt nghiệp đại học, sau khi đi làm 5 năm tôi muốn tìm kiếm một công việc có quy mô lớn hơn. Chính vì thế mà tôi quyết định du học tại Nhật Bản. Ban đầu tôi đến Nhật với tư cách là nghiên cứu sinh, sau đó để thi vào khoa Sau Đại học tôi đã ôn luyện mỗi ngày. Sau 6 tháng nỗ lực ôn tập thì tôi đã đỗ vào khóa thạc sỹ của trường. Tuy có bạn rộn hơn rất nhiều nhưng tôi nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ bạn bè, thầy cô, và có cơ hội đi du lịch nhiều địa điểm ở Nhật Bản. Ở Tokyo nhịp sống tấp nập, Osaka náo nhiệt đông người, Kyoto có bề dày lịch sử và nhiều những đền chùa rất đẹp. Hokkaido là vùng đất có cảnh quan thiên

nhiên hùng vĩ rất giống với Mông Cổ. Shikoku là vùng đất lưu giữ những nét văn hóa và tự nhiên đặc trưng... Càng đi nhiều nơi trên đất nước Nhật Bản tôi càng tưởng tượng rõ nét hơn về tương lai các thành phố, đô thị của Mông Cổ. Tôi mong muốn có thể phát huy những tri thức, kinh nghiệm đã học tập ở Nhật Bản, giải quyết các vấn đề đô thị và cống hiến cho Mông Cổ.



Một ngày của tôi

8:00 Thức dậy, tập Gym, ăn sáng, đến trường

Trong KTX có phòng tập Gym, mỗi tuần 3 lần tôi cố gắng đến để vận động cơ thể.

10:00 Nghiên cứu

Từ KTX tới Campus mất 1 tiếng di chuyển nên trong thời gian này tôi đọc các luận văn, khi đến trường thì bắt đầu tập trung vào nghiên cứu.

14:00 Ăn trưa

Buổi trưa tôi thường ăn cơm ở nhà ăn của trường. Thi thoảng tôi đi ăn các quán cơm ở gần trường. Tôi luôn gọi món có thịt! Sau khi ăn thì tiếp tục nghiên cứu.

17:00 Đạo phố

Tuần một lần tôi sẽ đi dạo phố. Tôi đi dạo những nơi đông đúc nhộn nhịp, vừa ngắm cảnh vừa quan sát thành phố. Thi thoảng tôi cũng nói chuyện, phỏng vấn cư dân ở đây.

19:00 Ăn tối

Trong khi đi dạo phố, nếu thấy cửa hàng ăn nào hợp ý tôi sẽ ăn tối luôn. Sau đó tổng hợp lại ghi chú và những bức ảnh chụp được.

22:00 Về nhà, nghỉ ngơi

Thường thì 21h tôi sẽ kết thúc công việc ở trường, về nhà tôi sẽ đọc sách hoặc xem phim, trò chuyện với bạn bè.

0:00 Đi ngủ

Một ngày hoạt động thật nhiều nên tối đến sẽ muốn ngủ, nghỉ ngơi.



Nhật Bản và Châu Âu có nền văn hóa khác nhau, mỗi ngày tôi đều học được một điều mới mẻ.

Đại học Rikkyo,
Khoa nghiên cứu kinh doanh quốc tế
Rod Adam (Cộng hòa Séc)

Lý do tôi quyết định du học Nhật bản đó là tôi rất thích văn hóa Nhật Bản đa dạng từ khi còn học THPT. Đặc biệt, tôi rất thích võ thuật và văn hóa nhạc Pop của Nhật. Hơn nữa, sau khi lần đầu tiên du lịch đến Nhật, tôi luôn ấp ủ mong muốn được sống tại đây, chính vì vậy tôi quyết định du học và sống tại Nhật Bản. Tất nhiên việc sống ở nước ngoài, thời gian đầu chỉ nhìn thấy những điểm tốt, sau khi trải qua thời gian mới nhìn nhận được những điểm chưa tốt. Tuy nhiên ở Tokyo là nơi rất dễ sống, tiện lợi, bất cứ lúc nào cũng có thể mua được thứ mình

cần, đó là điểm tôi rất thích. Thiên nhiên Nhật Bản, những ngọn núi của Nhật rất đẹp, tôi và vợ thường dành thời gian để đi phượt tới những vùng lân cận Tokyo. Nhật Bản và châu Âu có nền văn hóa khác biệt nên mỗi ngày tôi đều học được một điều mới mẻ. Về câu hỏi "Nhật Bản là đất nước như thế nào?" Thì tôi không thể trả lời vì tôi chỉ sống ở Tokyo mà thôi.



Một ngày của tôi

9:00 Đến trường

Đến Trường, học hoặc nghiên cứu.

11:00 Học tiếng Nhật

Hầu như mỗi ngày tôi đều học tiếng Nhật. Kanji đối với người nước ngoài rất khó nhớ chính vì thế cần luyện tập mỗi ngày.

13:00 Ăn trưa

Mua các món ăn Nhật tốt cho sức khỏe ở các cửa hàng Bento gần trường.

14:00 Nghiên cứu

Đọc sách chuyên ngành, viết ghi chú, báo cáo.

19:00 Về nhà

Về nhà, nấu cơm

24:00 Thời gian cuối ngày

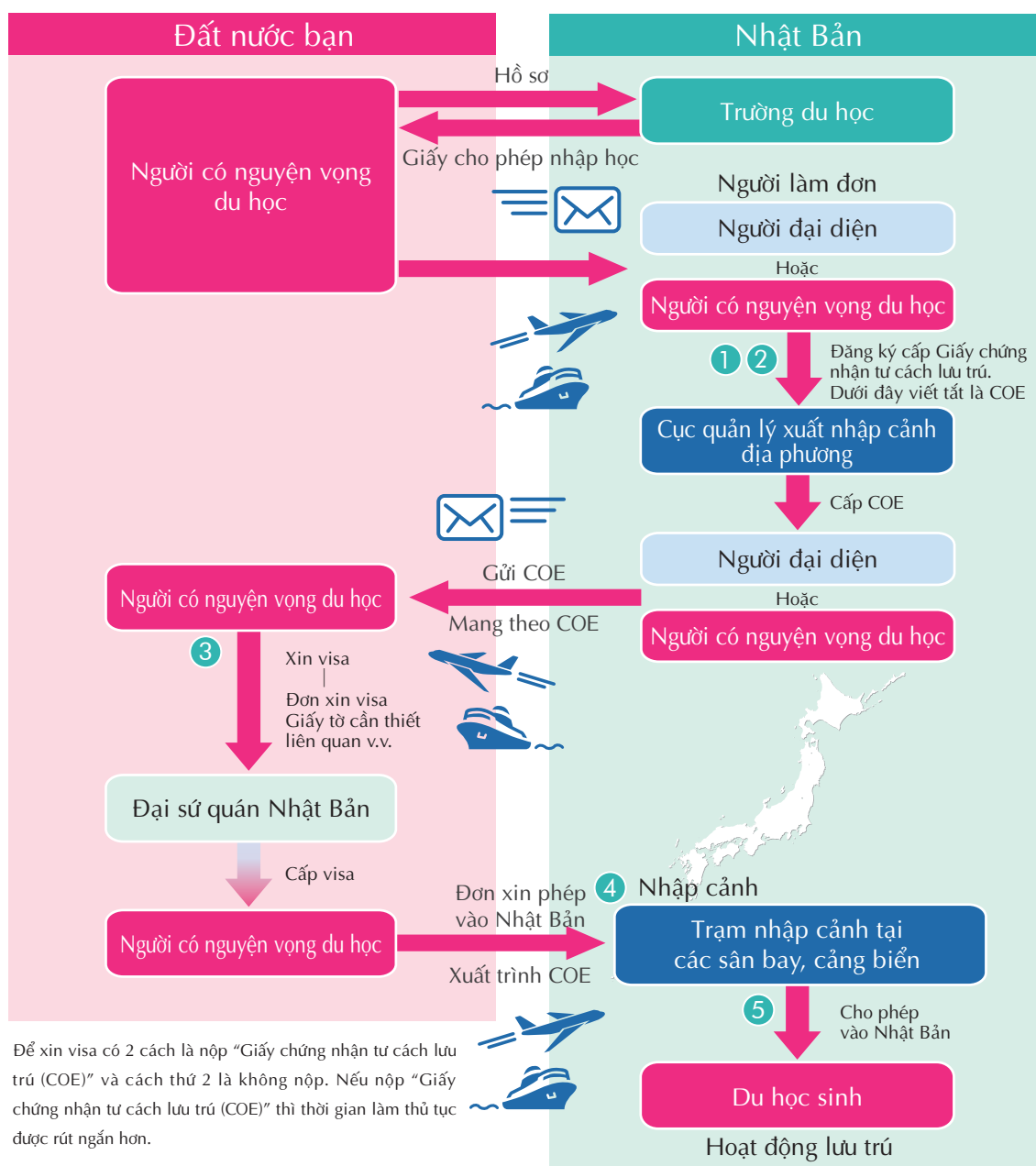
Đọc sách, đi ngủ

THỦ TỤC NHẬP CẢNH

 **Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Tư pháp** <http://www.immi-moj.go.jp/>

Visa và tư cách lưu trú

Trước khi nhập cảnh vào nước Nhật phải xin được visa. Có nhiều loại visa và tư cách lưu trú được quyết định dựa vào mục đích đến Nhật hoặc thân phận, địa vị của người nước ngoài. Tư cách lưu trú để học ở các trường đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp, trường dạy nghề, cơ sở giáo dục tiếng Nhật của Nhật là “du học”. Thời gian lưu trú là 4 năm 3 tháng, 4 năm, 3 năm 3 tháng, 3 năm, 2 năm 3 tháng, 2 năm, 1 năm 3 tháng, 1 năm, 6 tháng hoặc 3 tháng.



1. Xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)

Người có nguyện vọng du học (người làm đơn) hoặc người đại diện (ví dụ như người thân của người làm đơn hoặc nhân viên của cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh) sẽ làm đơn gửi lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương trong nước Nhật để xin cấp “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)”.

* Người có nguyện vọng du học có thể trực tiếp làm đơn xin cấp nhưng phần lớn các cơ sở giáo dục tiếp nhận du học sinh sẽ đại diện làm việc này.

* Hãy hỏi trường bạn sẽ nhập học để biết rõ về giấy tờ cần thiết.

2. Giấy tờ chứng minh năng lực chi trả kinh phí trong thời gian ở Nhật

Khi xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú hoặc visa, có những trường hợp yêu cầu phải nộp giấy tờ chứng minh bạn đã chuẩn bị đủ kinh phí cho những phát sinh trong thời gian du học tại Nhật.

● **Thông thường, cần những giấy tờ như:** Giấy chứng nhận số dư tiền gửi ngân hàng của người chi trả kinh phí, Giấy chứng nhận thu nhập của các năm trước, Giấy chứng nhận nộp thuế v.v.

3. Giấy tờ cần thiết xin cấp visa

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE), bạn sẽ làm thủ tục xin cấp visa tại Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài ở nước bạn.

● Giấy tờ cần thiết

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Đơn xin cấp visa
- ③ Ảnh
- ④ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE)
- ⑤ Giấy tờ khác trong trường hợp được yêu cầu xuất trình

4. Nhập cảnh vào Nhật Bản

Khi nhập cảnh cần những giấy tờ sau:

● Giấy tờ cần thiết

- ① Hộ chiếu (Passport)
- ② Giấy phép do Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài cấp (Visa)
- ③ Giấy chứng nhận tư cách lưu trú (COE) (Trường hợp đã được cấp)

5. Thẻ cư trú

Thẻ cư trú (RESIDENCE CARD) được cấp cho người nước ngoài có thời gian lưu trú trên 3 tháng. Bạn luôn phải mang theo Thẻ cư trú bên người.

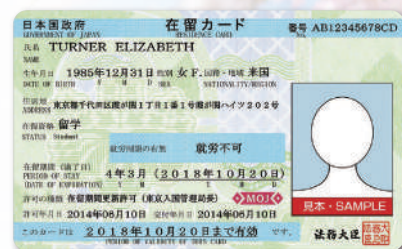
Cấp Thẻ cư trú

Trường hợp nhập cảnh ở sân bay Chitose mới, Narita, Haneda, Chubu, Kansai, Hiroshima, Fukuoka:

Khi làm thủ tục nhập cảnh sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” vào hộ chiếu và được cấp Thẻ cư trú. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức ở Nhật, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang Thẻ cư trú đến trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân của địa phương đó.

Trường hợp nhập cảnh không phải từ các sân bay trên:

Khi nhập cảnh, sẽ được dán nhãn “được phép vào nước Nhật” hoặc được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” vào hộ chiếu. Sau khi quyết định chỗ ở chính thức, trong vòng 14 ngày, bạn phải mang hộ chiếu đã được đóng dấu “Thẻ cư trú cấp sau” tới trình báo tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống. Thẻ cư trú sau khi nộp cho cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống để đăng ký làm công dân, sẽ được gửi trả lại bằng đường bưu điện cho bạn theo địa chỉ cư trú mà bạn đã đăng ký.



Thẻ cư trú

6. My Number (Mã số thuế và bảo hiểm xã hội)

Khi đăng ký là cư dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống, dù là người nước ngoài, bạn vẫn sẽ được gửi thẻ thông báo mã số cá nhân (My Number). Một My Number chỉ được cấp cho 1 người và cần khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền. Thẻ gồm 12 số, khác với 12 số ghi trên Thẻ cư trú.

My Number được yêu cầu xuất trình trong những trường hợp dưới đây, hãy cất giữ cẩn thận “Thẻ thông báo mã số” và “Thẻ cá nhân” vì có ghi mã số cá nhân trên đó.

- Khi làm thủ tục tại các cơ quan chính quyền
- Khi làm thêm
- Khi nhận tiền từ nước ngoài qua ngân hàng



Thẻ thông báo

7. Thủ tục sang Nhật dự thi

Trường hợp đến Nhật để dự thi, trước khi sang Nhật, cần mang Phiếu dự thi đến Cơ quan ngoại giao của Nhật ở nước ngoài để xin cấp visa “lưu trú ngắn hạn”. Thời gian có thể lưu trú là 15 ngày, 30 ngày hoặc 90 ngày. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc đối tượng được miễn visa thì bạn không cần làm thủ tục xin cấp visa.

* Trường hợp được miễn visa khi sang dự thi vẫn bắt buộc phải về nước để xin visa "Du học".

9. Thủ tục về nước tạm thời

Du học sinh nếu muốn về nước một thời gian hoặc sang nước khác cần nhận được giấy phép tái nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương v.v. (hoặc ở một số sân bay) trước khi rời khỏi Nhật Bản. Nếu không nhận được giấy phép tái nhập cảnh cần xin cấp lại visa tại Cơ quan ngoại giao của Nhật Bản tại nước ngoài, vì thế hãy lưu ý. Tuy nhiên, những người cư trú thời gian dài có hộ chiếu (passport) còn hiệu lực và Thẻ cư trú, khi rời Nhật Bản và có ý định quay trở lại trong vòng 1 năm kể từ ngày xuất cảnh (đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh v.v.) về nguyên tắc không cần xin phép tái nhập cảnh (thời hạn lưu trú của người đó dưới 1 năm thì được phép tái nhập cảnh theo thời hạn lưu trú).

8. Giấy phép làm thêm

Tư cách lưu trú “Du học” cho phép bạn đến Nhật để học tập chứ không phải làm việc. Tuy nhiên, khi bạn đi làm thủ tục và xin được “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” của Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương thì bạn có thể đi làm thêm. Tham khảo trang 38.

* Người nhập cảnh lần đầu, với tư cách lưu trú “Du học”, nếu thời gian lưu trú vượt quá 3 tháng, khi tái nhập cảnh, có thể xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” khi xin đóng dấu nhập cảnh tại sân bay.

* Sau khi đến Nhật muốn xin “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” thì nộp đơn xin tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương.

10. Gia hạn thời gian lưu trú

Nếu quá thời gian lưu trú được quy định khi nhập cảnh, trường hợp muốn tiếp tục ở lại Nhật Bản, phải xin phép gia hạn thời gian lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Nếu quá thời gian lưu trú (thông thường cần nộp đơn xin gia hạn trước khi hết hạn lưu trú khoảng 3 tháng) sẽ bị coi là lưu trú bất hợp pháp và sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.



Nếu quên không gia hạn sẽ vi phạm luật lưu trú dẫn đến bị đuổi học hoặc không thể nhận được học bổng nữa.

外国人用 (再入国)		再入国入国記録 [ARRIVAL]		再入国出国記録 [DEPARTURE]	
667709	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name	氏名 Name
	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth	生年月日 Date of Birth
	航空渡来者・船名 Last flight No./Vessel	航空渡来者・船名 Last flight No./Vessel	航空渡来者・船名 Last flight No./Vessel	航空渡来者・船名 Last flight No./Vessel	航空渡来者・船名 Last flight No./Vessel
	以下の特典について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)	以下の特典について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)	以下の特典について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)	以下の特典について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)	以下の特典について、該当するものに☑を記入し、署名して下さい。(特別永住者の方は署名のみ)。Please check the applicable items and put your signature. (For special permanent resident, please put your signature only.)
	1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?	1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?	1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?	1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?	1 あなたは、日本国又は日本国以外の国において、刑事事件で有罪判決を受けたことがありますか? Have you ever been found guilty in a criminal case in Japan or another country?
	2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣類若しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?	2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣類若しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?	2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣類若しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?	2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣類若しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?	2 あなたは、現在、麻薬、大麻、あへん若しくは覚せい剤等の規制薬物又は銃砲、刀剣類若しくは火薬類を所持していますか? Do you presently have in your possession narcotics, marijuana, opium, stimulants, or other controlled substance, swords, explosives or other such items?
	以上の記載内容は事実と相違ありません。I hereby declare that the statement given above is true and accurate.	以上の記載内容は事実と相違ありません。I hereby declare that the statement given above is true and accurate.	以上の記載内容は事実と相違ありません。I hereby declare that the statement given above is true and accurate.	以上の記載内容は事実と相違ありません。I hereby declare that the statement given above is true and accurate.	以上の記載内容は事実と相違ありません。I hereby declare that the statement given above is true and accurate.
	署名 Signature	署名 Signature	署名 Signature	署名 Signature	署名 Signature

Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh



Trước khi rời khỏi Nhật Bản, nhất định phải xuất trình Thẻ cư trú và đánh dấu vào cột được chỉ định trong Thẻ ED dùng để tái xuất nhập cảnh.

11. Thay đổi tư cách lưu trú

Khi kết thúc hoạt động hiện tại và muốn tiến hành các hoạt động với tư cách lưu trú khác, phải nhận được sự cho phép thay đổi tư cách lưu trú tại Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương.



Nếu tiến hành các công việc phát sinh thu nhập hoặc các hoạt động nhận được tiền công mà không có sự cho phép, sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

12. Tước bỏ tư cách lưu trú

Trường hợp người làm đơn khai báo giả các hoạt động, lý lịch hoặc làm giả giấy tờ v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú.



Mặc dù có tư cách lưu trú “du học” nhưng không tiến hành các hoạt động tương ứng với tư cách lưu trú đó 3 tháng trở lên ví dụ như không đi đến trường học v.v. sẽ bị tước bỏ tư cách lưu trú trừ trường hợp có lý do chính đáng.

13. Mời người thân sang Nhật

Vợ (chồng) hoặc con cái của du học sinh có tư cách lưu trú “du học” và đang học tại trường đại học v.v. có thể lưu trú tại Nhật với tư cách “lưu trú gia đình” tương ứng với thời gian lưu trú của du học sinh đó.

Bản thân du học sinh khi đã quen với cuộc sống bên Nhật và chuẩn bị sẵn sàng bao gồm cả mặt kinh tế hãy mời người thân sang Nhật.



Bạn cần đặc biệt lưu ý nếu người thân của bạn sang Nhật với visa “lưu trú ngắn hạn (Temporary visitor)” (hay còn gọi là “visa du lịch”) thì khó chuyển đổi sang tư cách lưu trú “lưu trú gia đình (Dependent)”.

14. Xin phép Cục quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan của chính quyền địa phương

Trường hợp thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch hoặc chuyển nơi học tập như chuyển sang trường khác v.v. phải nộp đơn lên Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương. Ngoài ra, nếu thay đổi nơi ở, về nước cần nộp đơn chuyển đi hoặc chuyển đến cho cơ quan của chính quyền địa phương.

KINH PHÍ CẦN THIẾT KHI DU HỌC

Nếu tính toán chi tiết tổng số tiền cần thiết khi du học và lập kế hoạch tài chính rõ ràng bao gồm cả ngân sách cá nhân thì bạn sẽ có cuộc sống ổn định sau khi du học. Hãy thử cùng tính toán những kinh phí du học cần thiết để kiểm tra xem kế hoạch du học có khả thi hay không. (1 USD = 114 Yên)

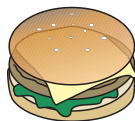
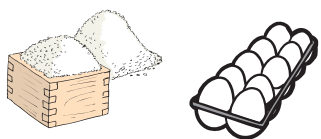
		Số tiền mục tiêu (Đại học quốc lập hệ 4 năm)	Hãy tính toán số tiền bạn cần!
Kinh phí cần thiết trước khi nộp hồ sơ	Lệ phí thi của các kỳ thi như EJU, JLPT, OEFL v.v.	28,080 yên <i>246 USD</i>	Trường hợp dự thi EJU 2 lần (2 môn trở lên) trong nước Nhật
	Phí xét tuyển của trường mà bạn có nguyện vọng du học	17,000 yên <i>149 USD</i>	Trường hợp nộp hồ sơ vào 1 trường đại học quốc lập
	Phí khám sức khỏe (tùy từng trường)	6,000 yên <i>52.6 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia
	Phí gửi hồ sơ (tùy từng trường)	2,000 yên <i>17.5 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia
Kinh phí để tham dự các kỳ thi đầu vào	Vé máy bay và phí lưu trú	100,000 yên <i>877 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia và lịch trình lưu trú
	Phí làm Passport (Hộ chiếu)	12,000 yên <i>105 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia
	Phí xin visa	3,000 yên <i>26.3 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia
Kinh phí cần thiết sau khi quyết định nhập học	Vé máy bay	70,000 yên <i>614 USD</i>	Khác nhau tùy theo từng quốc gia
	Phí lưu trú (phí trọ khách sạn cho tới khi quyết định được chỗ ở chính thức)	30,000 yên <i>263 USD</i>	Khác nhau tùy theo lịch trình lưu trú
	Phí nhập học	282,000 yên <i>2474 USD</i>	Đại học quốc lập
	Học phí năm đầu tiên	535,800 yên <i>4700 USD</i>	Đại học quốc lập
	Chi phí đi lại để đến trường	60,000 yên <i>526.3 USD</i>	Tổng số tiền trong 12 tháng dựa theo “Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tư phí nước ngoài năm 2015” (JASSO)
	Tiền ăn	324,000 yên <i>2842 USD</i>	
	Tiền trọ	408,000 yên <i>3579 USD</i>	
	Tiền điện và nhiên liệu (điện, ga, nước)	84,000 yên <i>736.8 USD</i>	
	Bảo hiểm, chi phí y tế	36,000 yên <i>315.7 USD</i>	
	Sở thích cá nhân, giải trí	72,000 yên <i>631.6 USD</i>	
	Tiêu vật	84,000 yên <i>736.8 USD</i>	
Tổng cộng	2,153,880 yên <i>18,893 USD</i>		

CHI PHÍ SINH HOẠT, GIÁ CẢ

1. Tiền tệ và giá cả

Giá cả của các hàng hóa thiết yếu

Gạo (5kg)	2,137 yên	19 USD
Bánh mì (1kg)	435 yên	4 USD
Sữa (1,000ml)	223 yên	2 USD
Trứng (10 quả)	248 yên	2 USD
Táo (1kg)	497 yên	4 USD
Bắp cải (1kg)	244 yên	2 USD

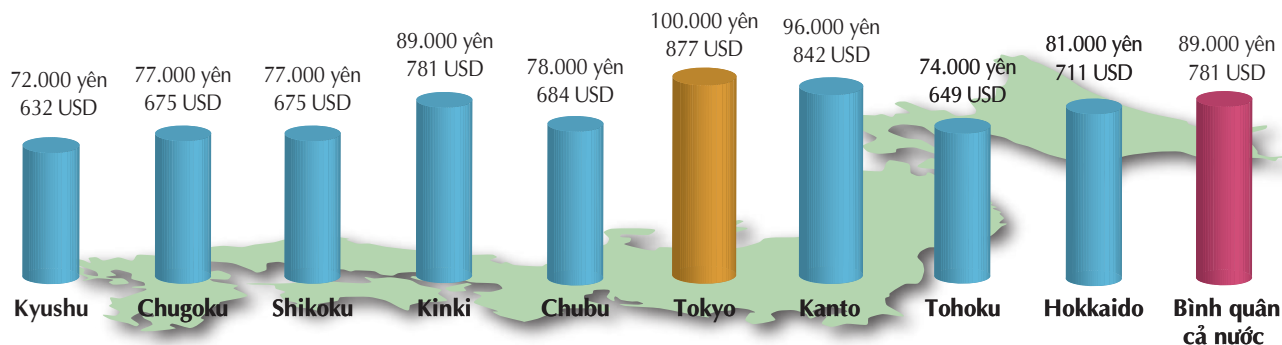


Nước uống có ga (lon 500ml)	97 yên	1 USD
Hamburger	174 yên	2 USD
Xăng (1L)	132 yên	1 USD
Giấy vệ sinh (12 cuộn)	279 yên	2 USD
Vé xem phim	1,800 yên	16 USD
Taxi (4km)	1,450 yên	13 USD

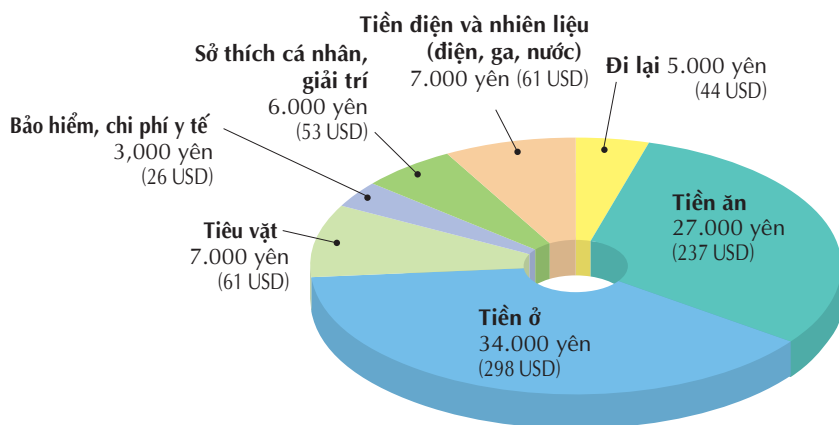
Nguồn: "Thông tin tổng hợp Cục thống kê chính phủ"
1USD = 114 yên

2. Chi phí sinh hoạt

Chi phí sinh hoạt trong 1 tháng (không bao gồm học phí) của một du học sinh nước ngoài được liệt kê như biểu đồ dưới đây. Chi phí sinh hoạt ở các thành phố lớn cao hơn so với các tỉnh lẻ.



Chi tiết các khoản chi tiêu trong 1 tháng (không bao gồm học phí)
(Bình quân cả nước)



Tên bảng: Chi phí nhà ở trung bình phân theo vùng

1USD = 114 yên

	Yên	USD
Trung bình quốc gia	34,000	298
Hokkaido	31,000	272
Tohoku	25,000	219
Kanto	39,000	342
Tokyo	43,000	377
Chubu	26,000	228
Kinki	35,000	307
Chugoku	24,000	211
Shikoku	23,000	202
Kyushu	24,000	211

Nguồn: Điều tra về tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2017 (JASSO)

HỌC PHÍ

Học phí các trường đại học của Nhật không cao so với các nước như Mỹ hay Anh. Tổng số tiền nhập học và học phí trong 1 năm của trường đại học quốc lập là 820,000 JPY (7,200 USD), đại học công lập là 930,000 JPY (8,200 USD) và đại học tư lập từ 1,100,000 JPY (9,700 USD) đến 1,640,000 JPY (14,400 USD) (trừ ngành y khoa, nha khoa và dược). Ngoài ra, so với các nước khác, chế độ học bổng, chế độ miễn hoặc miễn giảm học phí cũng nhiều hơn. Học phí năm đầu bao gồm phí nhập học, tiền học, tiền trang thiết bị, cơ sở vật chất v.v. Ngoài ra, phí nhập học chỉ cần đóng trong năm đầu.

Học phí trung bình của năm đầu (1 USD=114 JPY)

Sau đại học

Sau đại học	Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 1		
	yên	yên	yên	USD	yên	USD	
Quốc lập (Khóa học Thạc sĩ)	282,000	535,800	817,800	7,174	1,353,600	11,874	
Công lập (Khóa học Thạc sĩ)	364,727	537,878	902,605	7,918	1,440,483	12,636	
Tư lập (Khóa học Thạc sĩ)	Nghệ thuật	222,861	1,218,547	1,441,408	12,644	2,659,955	23,333
	Kỹ thuật	208,111	951,607	1,159,718	10,173	2,111,325	18,520
	Sức khỏe	246,845	853,128	1,099,973	9,649	1,953,101	17,132
	Khoa học	199,244	886,464	1,085,708	9,524	1,972,172	17,300
	Nông nghiệp, Thú y	218,358	802,136	1,020,494	8,952	1,822,630	15,988
	Dược	185,250	834,025	1,019,275	8,941	1,853,300	16,257
	Kinh tế gia đình	239,091	718,855	957,946	8,403	1,676,801	14,709
	Giáo dục	202,894	735,827	938,721	8,234	1,674,548	14,689
	Khoa học xã hội	211,083	686,458	897,541	7,873	1,583,999	13,895
	Y học	189,725	699,422	889,147	7,800	1,588,569	13,935
Khoa học nhân văn	203,895	645,808	849,703	7,454	1,495,511	13,119	
Quốc lập (Khóa học Tiến sĩ)	282,000	535,800	817,800	7,174	1,889,400	16,574	
Công lập (Khóa học Tiến sĩ)	364,727	537,878	902,605	7,918	1,978,361	17,354	
Tư lập (Khóa học Tiến sĩ)	Nghệ thuật	233,986	1,100,426	1,334,412	11,705	3,535,264	31,011
	Sức khỏe	258,951	799,934	1,058,885	9,288	2,658,753	23,322
	Khoa học	204,346	792,232	996,578	8,742	2,581,042	22,641
	Nông nghiệp, Thú y	218,483	802,160	1,020,643	8,953	2,624,963	23,026
	Kỹ thuật	189,363	797,539	986,902	8,657	2,581,980	22,649
	Kinh tế gia đình	236,928	718,085	955,013	8,377	2,391,183	20,975
	Dược	179,545	716,022	895,567	7,856	2,327,611	20,418
	Giáo dục	225,912	690,116	916,028	8,035	2,296,260	20,143
	Nha khoa	232,075	642,666	874,741	7,673	2,160,073	18,948
	Khoa học xã hội	202,430	612,401	814,831	7,148	2,039,633	17,892
Khoa học nhân văn	206,800	583,535	790,335	6,933	1,957,405	17,170	
Y học	174,718	533,549	708,267	6,213	1,775,365	15,573	

※1 Khóa học Thạc sĩ bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm; Khóa học Tiến sĩ bao gồm phí nhập học khi vào học Khoa học Thạc sĩ và học phí 3 năm.

Đại học (Khoa)

Đại học (khoa)	Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 2		
	yên	yên	yên	USD	yên	USD	
Quốc lập	282,000	535,800	817,800	7,174	2,425,200	21,274	
Công lập	393,618	538,633	932,251	8,178	2,548,150	22,352	
Tư lập	Y khoa	1,325,507	3,717,720	5,043,227	44,239	23,631,827	207,297
	Nha khoa	563,403	3,725,836	4,289,239	37,625	22,918,419	201,039
	Dược	341,541	1,741,001	2,082,542	18,268	10,787,547	94,628
	Nghệ thuật	259,312	1,376,891	1,636,203	14,353	5,766,876	50,587
	Sức khỏe	272,467	1,228,341	1,500,808	13,165	5,185,831	45,490
	Khoa học kỹ thuật	242,670	1,231,676	1,474,346	12,933	5,169,374	45,345
	Nông nghiệp, Thú y	246,282	1,166,879	1,413,161	12,396	4,913,798	43,103
	Thể dục	258,265	1,035,887	1,294,152	11,352	4,401,813	38,612
	Kinh tế gia đình	255,704	997,399	1,253,103	10,992	4,245,300	37,239
	Văn học, Giáo dục	233,136	952,976	1,186,112	10,404	4,045,040	35,483
	Phúc lợi xã hội	214,439	930,751	1,145,190	10,046	3,937,443	34,539
	Luật, Thương mại, Kinh tế	232,284	920,231	1,152,515	10,110	3,913,208	34,326
	Thần học, Phật giáo	214,288	888,940	1,103,228	9,677	3,770,048	33,071

※2 Y khoa, Nha khoa, Dược hệ tư lập bao gồm phí nhập học và học phí 6 năm; các ngành khác bao gồm phí nhập học và học phí 4 năm.

● Cao đẳng

Cao đẳng		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp※3	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
đại / tu	Nghệ thuật	251,226	1,181,574	1,432,800	12,568	2,614,374	22,933
	Kỹ thuật	209,388	1,051,438	1,260,826	11,060	2,312,264	20,283
	Khoa học, nông nghiệp	194,615	910,962	1,105,577	9,698	2,016,539	17,689
	Nhân văn	242,942	868,122	1,111,064	9,746	1,979,186	17,361
	Giáo dục, Mầm non	250,742	852,536	1,103,278	9,678	1,955,814	17,156
	Kinh tế gia đình	245,642	861,628	1,107,270	9,713	1,968,898	17,271
	Luật, Thương mại, Kinh tế, Xã hội	233,823	845,376	1,079,199	9,467	1,924,575	16,882
Thể dục	238,571	816,286	1,054,857	9,253	1,871,143	16,414	

※3 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm.

● Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)

Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 4	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
Quốc lập		84,600	234,600	319,200	2,800	788,400	6,916

※4 Bao gồm phí nhập học và học phí 3 năm.

● Trường dạy nghề

Trường dạy nghề		Phí nhập học (chỉ năm đầu)	Học phí	Tổng số tiền năm đầu		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 5	
		yên	yên	yên	USD	yên	USD
đại / tu	Vệ sinh	165,500	1,345,750	1,511,250	13,257	2,857,000	25,061
	Y tế	249,000	1,166,714	1,415,714	12,419	2,582,428	22,653
	Công nghiệp	213,333	1,096,500	1,309,833	11,490	2,406,333	21,108
	Nông nghiệp	180,000	1,107,000	1,287,000	11,289	2,394,000	21,000
	Giáo dục, Phúc lợi xã hội	145,750	933,500	1,079,250	9,467	2,012,750	17,656
	Thương mại	133,750	982,250	1,116,000	9,789	2,098,250	18,406
	Văn hóa, Giáo dục	153,000	1,019,000	1,172,000	10,281	2,191,000	19,219
	Máy mặc, Kinh tế gia đình	183,000	902,000	1,085,000	9,518	1,987,000	17,430

※5 Bao gồm phí nhập học và học phí 2 năm.

● Cơ sở giáo dục tiếng Nhật

Khóa dự bị tiếng Nhật (Đại học, cao đẳng)		Học phí	
		yên	USD
Khóa 1 năm		400,000 ~ 755,000	3,509 ~ 6,623
Khóa 1 năm rưỡi		642,000 ~ 1,100,000	5,632 ~ 9,649
Khóa 2 năm		1,070,000 ~ 1,420,000	9,386 ~ 12,456

Nguồn: Điều tra của tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

Trường tiếng Nhật		Học phí	
		yên	USD
Khóa 1 năm		600,000 ~ 997,400	5,263 ~ 8,749
Khóa 1 năm rưỡi		772,000 ~ 1,530,000	6,772 ~ 13,421
Khóa 2 năm		1,006,000 ~ 2,000,000	8,825 ~ 17,544

Nguồn: Điều tra của tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản

※ Học phí và tổng kinh phí của các trường đại học Anh, Mỹ

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 6	
		yên	USD	yên	USD
đại / tu	Đại học công lập hệ 4 năm	2,920,680	25,620	11,682,720	102,480
	Đại học tự lập hệ 4 năm	3,960,360	34,740	15,841,440	138,960

※6 Bao gồm học phí 4 năm và tổng kinh phí
 Nguồn: Hướng dẫn du học Mỹ 2019 (Công ty Keibun)

		1 năm học		Tổng số tiền cho tới khi tốt nghiệp ※ 7	
		yên	Pound	yên	Pound
đại / tu	Khoa học xã hội	1,500,000 ~ 2,400,000	10,000 ~ 16,000	4,500,000 ~ 7,200,000	30,000 ~ 48,000
	Khoa học tự nhiên	1,800,000 ~ 3,750,000	12,000 ~ 25,000	5,400,000 ~ 11,250,000	36,000 ~ 75,000
	Y học	3,300,000 ~ 6,000,000	22,000 ~ 40,000	9,900,000 ~ 18,000,000	66,000 ~ 120,000

※7 Bao gồm học phí 3 năm và tổng kinh phí
 Nguồn: Hướng dẫn du học Anh 2018

1 Pound = 150 JPY

HỌC BỔNG

Có ít học bổng chi trả toàn bộ chi phí cần thiết khi du học, phần nhiều học bổng là chi trả một phần chi phí sinh hoạt hoặc học phí. Hãy lập kế hoạch du học không chỉ dựa vào học bổng.

Hỗ trợ về kinh tế

- ① Học bổng
- ② Chế độ miễn giảm học phí (Miễn giảm 30%, 50%, 100% v.v.)

Phương pháp ứng tuyển

- ① <Ứng tuyển trước khi sang Nhật> Ứng tuyển trước khi sang Nhật (ít)
- ② <Ứng tuyển sau khi sang Nhật> Ứng tuyển tại nước Nhật sau khi đến Nhật nhập học (nhiều)

Số lượng các tổ chức cấp học bổng theo trình độ tương ứng

	Đối tượng	Ứng tuyển trước khi sang Nhật		Ứng tuyển sau khi sang Nhật
		Chính phủ Nhật Bản	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân	Chính quyền địa phương, Tổ chức tư nhân
1	Sinh viên Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	○	1	21
2	Sinh viên khóa chuyên môn trường dạy nghề	○	2	17
3	Sinh viên dự bị tiếng Nhật của các trường cao đẳng, đại học	○	1	5
4	Sinh viên của cơ sở giáo dục tiếng Nhật ngoài 3 mục ở trên		3	8
5	Sinh viên cao đẳng		3	35
6	Sinh viên dự thính ở trường đại học		0	3
7	Sinh viên đại học	○, Học tập về tiếng Nhật và văn hóa Nhật	9	88
8	Nghiên cứu sinh sau đại học	○, Đào tạo giáo viên	3	23
9	Thạc sỹ	○, YLP	16	114
10	Tiến sỹ	○	14	114
11	Sinh viên khóa chuyên môn (nghề)	○	1	3

Nguồn: Quyển "Tổng hợp học bổng 2018 – 2019" của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản



Có nhiều loại học bổng cho sinh viên chính quy của trường Đại học và Sau đại học.

Hãy xác nhận điều kiện ứng tuyển!

- ① Tuổi tác ② Quốc gia, khu vực xuất thân ③ Trường đang theo học tại Nhật ④ Có yêu cầu về lĩnh vực chuyên môn v.v.



Một số loại học bổng dành cho Du học sinh khi đăng ký yêu cầu phải có tư cách lưu trú là "Du học"

Kỳ thi tuyển chọn

Hầu hết sẽ đánh giá hồ sơ, nhưng cũng có trường hợp phỏng vấn hoặc tổ chức kỳ thi viết đánh giá năng lực ngôn ngữ hoặc những kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên môn.

Phương pháp nộp hồ sơ

Hầu hết đều nộp hồ sơ thông qua trường đang theo học. (Cụ thể hãy xác nhận với người phụ trách du học sinh của trường)



Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng		Liên hệ
		JPY	USD	
Học bổng Chính phủ (Học bổng Mongbukagakusho) ^{※1}	Du học sinh chương trình Lãnh đạo trẻ (YLP)	242,000	2,123	Cơ quan ngoại giao của Nhật ở các nước, trường hiện đang theo học ^{※2}
	Du học sinh nghiên cứu (Không chính qui)	143,000	2,154	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Thạc sĩ)	144,000	2,163	
	Du học sinh nghiên cứu (Khóa học Tiến sĩ)	145,000	2,172	
	Du học sinh ngành giáo dục	143,000	2,154	
	Du học trường đại học (khoa)/ Du học sinh trường kỹ thuật chuyên nghiệp/ Du học sinh trường dạy nghề/ Du học sinh tiếng Nhật, nghiên cứu văn hóa Nhật	117,000	1,026	
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Đây là học bổng dành cho du học sinh tư phí nước ngoài đạt thành tích xuất sắc trong Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) và nhập học với tư cách sinh viên chính quy vào các trường đại học (khoa), cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp (từ năm 3 trở lên) hoặc khóa chuyên ngành trường dạy nghề của Nhật Bản.	48,000	421	Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản JASSO ^{※3}
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	17 cơ quan	60,000 ~ 200,000	526 ~ 1,754	Chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân v.v. ^{※4}
Học bổng riêng của từng trường, chế độ miễn và giảm học phí	—	—	—	Trường dự định sẽ vào học

※1 Số tiền học bổng tăng thêm tùy từng khu vực học tập, nghiên cứu

※2 Ở một số nước, cơ quan chính phủ của quốc gia đó trở thành đầu mối học bổng chính phủ Nhật Bản.

※3 https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/shoureih/yoyakuseido/

※4 Hãy xác nhận với các tổ chức/đơn vị cấp học bổng trước khi sang Nhật có kết quả hay không
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/brochure.html

1 USD = 114 yên

Học bổng có thể ứng tuyển trước khi sang Nhật (Học bổng theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học v.v.)

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng hỗ trợ du học sinh nước ngoài (tiếp nhận theo hiệp định)	Du học sinh nước ngoài có thời gian du học từ 8 ngày tới 1 năm theo hiệp định giao lưu giữa các trường đại học.	80.000	702	Trường đang theo học

Học bổng ứng tuyển sau khi đến Nhật

Loại	Đối tượng hoặc số lượng cơ quan chi trả	Số tiền cấp hàng tháng (JPY)	Số tiền cấp hàng tháng (USD)	Liên hệ
Học bổng khuyến học dành cho du học sinh nước ngoài của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (Chương trình thúc đẩy tiếp nhận du học sinh)	Sau đại học (Khóa học Thạc sĩ, Khóa học Tiến sĩ)/ Nghiên cứu sinh (Sau đại học)/ Đại học (Khoa)/ Cao đẳng/ Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (năm 3 trở lên)/ Khóa chuyên môn trường dạy nghề/ Khóa tiếng Nhật dành cho du học sinh/ Khoa chuyên ngành/ Khóa đào tạo dự bị	48,000	421	Trường đang theo học tại nước Nhật
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật	30,000	263	
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	132 cơ quan	20,000 ~ 310,000	526 ~ 1,754	Trường đang theo học tại nước Nhật hoặc tổ chức cấp học bổng.
Học bổng của chính quyền địa phương, tổ chức tư nhân	-	—	—	Trường đang theo học tại nước Nhật

Hãy tìm học bổng và chế độ miễn giảm học phí!

 “Quyển học bổng du học Nhật Bản” (Bản tiếng Nhật, tiếng Anh)

Tác giả: Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/scholarships/brochure.html

 Có thể tra cứu thông tin học bổng từ trang web sau:

Tìm kiếm các trường Đại học có chế độ học bổng, miễn giảm học phí (JASSO)

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/search/daigakukensaku.html

 Tra cứu thông tin học bổng (JAPAN STUDY SUPPORT)

<https://www.jpss.jp/ja/scholarship/>



Có một số học bổng chưa được tổng hợp trong quyển này, chi tiết về học bổng hãy hỏi Trường của bạn.

LÀM THÊM

Khoảng 76% du học sinh tự phí đi làm thêm, khoản tiền trung bình nhận được 1 tháng là 59,000 JPY (518 USD). Không thể chi trả toàn bộ học phí và sinh hoạt phí chỉ bằng tiền làm thêm. Vì vậy hãy lập kế hoạch tài chính để không phụ thuộc vào việc làm thêm.



Khi làm thêm phải tuân thủ các điều kiện dưới đây. Nếu không tuân thủ sẽ bị xử phạt hoặc trục xuất về nước.

1. Nhận “giấy phép làm thêm” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh gần nhất v.v. Những người có tư cách lưu trú “du học” thời hạn trên 3 tháng khi nhập cảnh lần đầu tiên vào Nhật Bản có thể nộp đơn xin cấp giấy phép làm thêm tại sân bay v.v. khi nhập cảnh.
2. Không làm ảnh hưởng tới việc học.
3. Làm thêm với mục đích bổ sung thêm chi phí cần thiết cho việc học và sinh hoạt tại Nhật Bản, không với mục đích tiết kiệm hoặc kiếm tiền gửi về nước.
4. Không làm công việc kinh doanh giải trí dành cho người lớn. * Những việc bị pháp luật cấm.
5. Số giờ làm thêm không quá 28 tiếng trong 1 tuần (trong thời gian nghỉ lễ dài có thể làm 8 tiếng 1 ngày).
6. Làm thêm trong thời gian đang theo học tại các cơ sở giáo dục.

Điểm quan trọng khi quyết định công việc làm thêm!

Không vượt ngoài mục đích du học, không làm quá sức ảnh hưởng tới sức khỏe!

- Có ảnh hưởng đến kết quả học tập không?
- Có ảnh hưởng tới ngày hôm sau do làm thêm đến tối muộn hoặc làm thêm trong thời gian dài không?
- Tiền công, cách trả tiền công
Trả bằng tiền mặt hay chuyển khoản ngân hàng tiền thuế, tiền công ngày, tiền công tuần, tiền công tháng?
- Nội dung công việc có an toàn không?
- Có phải công việc nguy hiểm không, có bảo hộ trong quá trình làm việc không?
Việc giới thiệu công việc làm thêm được tổ chức ở trường học

<Loại công việc nhiều du học sinh làm thêm (Câu hỏi có nhiều câu trả lời)>

	Loại công việc	Tỷ lệ
1	Ẩm thực, dịch vụ ăn uống	41.9%
2	Kinh doanh, bán hàng	28.9%
3	Giảng dạy, trợ giúp nghiên cứu	7.3%
4	Biên phiên dịch	6.7%
5	Gia sư/giáo viên ngôn ngữ	6.2%
6	Dọn dẹp	5.5%
7	Lễ tân khách sạn, bồi bàn	5.3%
8	Công việc văn phòng	4.7%

Nguồn: “Điều tra tình hình sinh hoạt của du học sinh tự phí nước ngoài năm 2017” (JASSO)



Lời khuyên

Hàng năm đều có du học sinh do làm thêm mà lơ là việc học, không đủ điểm chuyên cần dẫn đến không xin gia hạn được visa và phải về nước. Mọi người hãy hết sức lưu ý điều này.

Tiền lương theo giờ

Tiền lương theo giờ	Tỷ lệ
Dưới 800 JPY	5.4%
800 ~ dưới 1,000	42.4%
1,000 ~ dưới 1,200 JPY	39.4%
1,200 ~ dưới 1,400 JPY	6.9%
Trên 1,400 JPY	4.8%
Không rõ	1.0%



Cảnh giác trước những công ty du học lừa đảo khẳng định “có thể kiếm tiền trong thời gian du học ở Nhật”

Những năm gần đây, một số công ty tư vấn du học lừa đảo đã đăng thông tin sai sự thật nên mọi người hãy hết sức cẩn thận.

“Tiền công 1 giờ làm thêm là 3,000 JPY (26 USD)”. → ❌ Tiền công theo giờ thông thường là 900 JPY (8 USD)
 “Mặc dù đi học nhưng 1 tháng đi làm thêm vẫn kiếm được 200,000 ~ 300,000 JPY, có thể trả tiền học phí và → ❌ Không thể (Trung bình khoảng 59,000 JPY (518 USD) sinh hoạt phí, ngoài ra còn có thể gửi tiền về nước”.

* 1USD = 114 yên

NHÀ Ở

Chính quyền địa phương và trường học có ký túc xá dành cho sinh viên nhưng 75% du học sinh thuê trọ nhà dân hoặc ở các căn hộ cho thuê. Sau khi nhận được giấy báo nhập học hãy lập tức thu thập thông tin về nhà ở. Cách thu thập thông tin như sau: ① Bộ phận phụ trách du học sinh của trường ② Internet, báo chí ③ Các công ty bất động sản v.v. ở nơi mình muốn sống

Ký túc xá

Ưu điểm

- Tiết kiệm chi phí
- Không cần tự mình mua thêm các thiết bị điện gia dụng v.v.

Nhược điểm

- Số lượng phòng có hạn nên không phải ai muốn cũng có thể ở ký túc xá
- Có quy định về giờ đóng cửa hoặc giờ thức giấc
- Dùng chung nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm



Lời khuyên

Tiền nhà hàng tháng

Ký túc xá: 28,000 JPY

(Nếu là trung tâm đào tạo tiếng Nhật Tokyo của Jasso)

Căn hộ cho thuê: Tiền thuê chênh nhau khá lớn phụ thuộc vào sự thuận tiện của nhà ga, khoảng cách từ các nhà ga và số năm xây dựng của căn hộ v.v. Ở các khu vực tỉnh lẻ có thể tìm được căn hộ với giá từ 30,000 ~ 40,000 JPY, nhưng ở Tokyo giá nằm trong khoảng 60,000 JPY.

Vứt rác

Ở Nhật quy định về vứt rác rất nghiêm khắc, nếu không tuân thủ sẽ gặp rắc rối với hàng xóm. Hãy phân loại rác và vứt vào địa điểm, thời gian quy định.



Căn hộ cho thuê

Ưu điểm

- Có thể sinh hoạt theo cách mình thích
- Nhận thức được giá trị của đồng tiền

Nhược điểm

- Phải trả trước tiền đặt cọc (vài tháng tiền nhà, cũng có nhiều nơi gọi là tiền bảo đảm), tiền cảm ơn, chi phí giới thiệu v.v.
- Thủ tục ký kết hợp đồng thuê nhà phức tạp
- Phải tự mua sắm đồ nội thất, thiết bị điện gia dụng.

Người bảo lãnh liên đới là gì?

Ở Nhật, thông thường khi thuê nhà cần có “người bảo lãnh liên đới”.

Nếu bạn không trả tiền nhà đúng hạn, làm hỏng các thiết bị trong phòng nhưng không đền tiền sửa chữa v.v. chủ nhà sẽ yêu cầu “người bảo lãnh liên đới” trả. Vì du học sinh có ít người quen bên Nhật nên có cơ chế chấp nhận người bảo lãnh liên đới là những người làm trong trường học (cơ quan, giảng viên, nhân viên). Ngoài ra, cũng có trường hợp không cần “người bảo lãnh liên đới” tùy thuộc vào hợp đồng trả “phí bảo lãnh”.

* Đền bù thiệt hại về nhà ở cho du học sinh

Là chế độ được quản lý bởi Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản, nhằm chuẩn bị ứng phó cho trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn mà không làm phiền tới người bảo lãnh. Hãy hỏi trường nơi bạn định nhập học hoặc đang theo học để biết xem có thể sử dụng chế độ này hay không.

Điểm quan trọng khi tìm nhà

- ① Tiền nhà, chi phí ban đầu?
- ② Khoảng cách và thời gian từ nhà tới trường?
- ③ Diện tích phòng, các trang thiết bị?
- ④ Sự tiện lợi của môi trường xung quanh (gần nhà ga, mua sắm dễ dàng không v.v.)?

BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THIỆT HẠI

Bảo hiểm y tế (Bảo hiểm sức khỏe toàn dân)

Nhật Bản có chế độ bảo hiểm để giảm bớt gánh nặng về chi phí y tế.

Người nước ngoài lưu trú ở Nhật trên 3 tháng phải tham gia “Bảo hiểm y tế toàn dân”.

* Du học sinh lưu trú dưới 3 tháng hãy hỏi trường mình định theo học.

■ Để tham gia bảo hiểm

Tiến hành thủ tục sau khi đăng ký công dân tại cơ quan của chính quyền địa phương nơi bạn sinh sống.

■ Phí bảo hiểm

Thông thường khoảng 20,000 JPY/1 năm. Tuy nhiên, tùy theo từng khu vực cũng như thu nhập của bạn mức phí sẽ khác nhau. Đối với sinh viên, cũng có những khu vực có chế độ giảm hoặc hỗ trợ phí bảo hiểm, bạn nên hỏi thật kỹ.

■ Nội dung bảo hiểm

Khi bị thương hoặc ốm đau, nếu xuất trình thẻ bảo hiểm, cơ quan bảo hiểm nhà nước sẽ chi trả 70% tổng chi phí điều trị và 30% chi phí còn lại sẽ do cá nhân tự trả. Tuy nhiên, các chi phí y tế ngoài phạm vi áp dụng của bảo hiểm sẽ do cá nhân chi trả toàn bộ.

Khi tham gia bảo hiểm sức khỏe toàn dân, nếu phí điều trị 1 tháng cao vượt quá phần cá nhân chi trả thì sau đó sẽ được trả lại. Ngoài ra, khi nhập viện, có thể chỉ cần trả số tiền trong phạm vi giới hạn tối đa tại bệnh viện nếu trước đó bạn làm đơn và xin được “giấy xác nhận số tiền thanh toán tối đa”.

Bảo hiểm thiệt hại

Du học sinh có thể tham gia Bảo hiểm thương tật và Bảo hiểm bồi thường cá nhân - hình thức bảo hiểm bồi thường thiệt hại liên quan tới tai nạn v.v. mà Bảo hiểm y tế toàn dân không áp dụng.

Ví dụ, du học sinh được bồi thường trong những trường hợp dưới đây:

- Phải dán lại tường do dầu mỡ khi rán bắn lên hoặc nhà bếp bị ám đen.
- Đi xe đạp va chạm với người đi bộ gây thương tích phải chi trả phí điều trị cho người bị hại
- Bị mất trộm máy tính, máy ảnh để trong phòng khi vắng nhà

Hãy thảo luận với nhà trường vì có rất nhiều hướng dẫn về các loại bảo hiểm.

i “Bảo hiểm tai nạn, thương tật, thiên tai trong khi nghiên cứu, học tập dành cho sinh viên” (Gakkensai)

Là chế độ bảo hiểm của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản mà 96% các trường đại học đang tham gia. Bên cạnh đó cũng có chế độ “Inbound incidental academic total” bồi thường đầy đủ thiệt hại.
<http://www.jees.or.jp/gakkensai/>

i “Chế độ bảo hiểm của Hiệp hội sinh viên”

Có chế độ bảo hiểm của Hiệp hội sinh viên mà khi đang đi học có thể tham gia.
<https://kyosai.univcoop.or.jp/english/index.html>



THỰC TẬP (INTERNSHIP)

Là chế độ cho sinh viên trải nghiệm công việc liên quan tới chuyên ngành, nghề nghiệp tương lai tại các doanh nghiệp v.v. khi còn đang theo học. Cũng có những trường coi đây là một môn học trong khóa đào tạo nhận được tín chỉ. Du học sinh cần xác nhận trực tiếp với trường xem có chế độ thực tập không và có công nhận tín chỉ không. Trường hợp nhận được lương khi thực tập, cần phải có “Giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú” nên hãy hết sức lưu ý. Nếu muốn thực tập trên 28 tiếng 1 tuần cần làm đơn xin phép “hoạt động ngoài tư cách lưu trú” tại Cục xuất nhập cảnh địa phương v.v. dựa trên các tài liệu ghi rõ về nội dung thực tập.

■ Khác nhau giữa làm thêm và thực tập

Làm thêm: là hoạt động lao động nhận được tiền công bằng việc cung cấp sức lao động.

Thực tập: là hoạt động trải nghiệm làm việc để nhận được cơ hội việc làm và có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp sau này v.v. Có nhiều trường hợp làm không thù lao.

■ Cách tìm kiếm công việc thực tập

- ① Trang hỗ trợ tìm việc. Tuyển nhiều người thực tập bất kể loại hình và nội dung công việc.
- ② Bộ phận phụ trách hoạt động tìm việc ở trường đại học. Hãy xem bảng thông tin v.v.
- ③ Công ty tư vấn thực tập... Vì họ nắm rõ các doanh nghiệp tiếp nhận nên khó xảy ra việc không phù hợp giữa sinh viên và doanh nghiệp.

■ Tư cách lưu trú của sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nhưng thực tập ở Nhật.

Sinh viên đang học tại các trường Đại học ngoài nước Nhật nếu muốn nhập cảnh vào Nhật Bản để trải nghiệm làm việc theo hợp đồng hoặc cam kết với các doanh nghiệp Nhật như một phần của khóa đào tạo lấy tín chỉ của trường đại học đó sẽ có các tư cách lưu trú là “hoạt động đặc biệt”, “hoạt động văn hóa” hoặc “lưu trú ngắn hạn” tùy vào thời gian lưu trú cũng như việc sinh viên có nhận lương thực tập hay không.

METI Japan Internship Program

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp đang thực hiện dự án thúc đẩy thực tập tại các doanh nghiệp Nhật Bản dành cho nhân tài trẻ người nước ngoài. Liên hệ: Technical Cooperation Division, Trade and Economic Cooperation Bureau, METI
TEL: (+81)3-3501-1937

Trung tâm dịch vụ việc làm nước ngoài của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (Tokyo, Nagoya, Osaka) cung cấp thông tin tuyển dụng, giới thiệu và tư vấn nghề nghiệp, tiếp nhận thực tập.

Tokyo: <https://jsite.mhlw.go.jp/tokyo-foreigner/>

Nagoya: <https://jsite.mhlw.go.jp/aichi-foreigner/>

Osaka: <https://jsite.mhlw.go.jp/osaka-foreigner/>



LÀM VIỆC TẠI NHẬT BẢN

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp ở Nhật “muốn giữ chân nhân tài ưu tú bất kể quốc tịch”, “cần nhân sự thông thạo ngoại ngữ và tình hình nước ngoài”, “muốn tuyển dụng nhân sự đa dạng”, chính vì vậy việc tuyển dụng du học sinh người nước ngoài cũng ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, tìm việc ở Nhật Bản đối với du học sinh không hề đơn giản. Dưới đây là trang web của JASSO có mục trao đổi kinh nghiệm tìm việc và đăng tải thông tin các sự kiện liên quan tới tìm việc, hãy nhanh chóng tiến hành các hoạt động tìm việc dựa trên những thông tin tham khảo đó.

Để hỗ trợ Du học sinh trong hoạt động tìm việc tại các doanh nghiệp Nhật Bản, chính phủ Nhật Bản – JETRO (Tổ chức xúc tiến mậu dịch Nhật Bản) thiết lập “Cổng thông tin xúc tiến hoạt động nhân sự nước ngoài cao cấp “Open for Professionals”. Cổng thông tin cung cấp các thông tin sau:

- Các chương trình Job Fair và Internship do cơ quan chính quyền tổ chức (Có thể đăng ký tham dự)
- Các doanh nghiệp có nhiều Cựu Du học sinh đang làm việc.
- Chế độ bảo hiểm công ích và tư cách lưu trú tại Nhật Bản.
- Cổng tư vấn về lao động, việc làm.

Từ tháng 4/2019, ngoài việc cung cấp thông tin bằng tiếng Anh, để tham khảo các hoạt động tìm việc thì cổng thông tin cung cấp các thông tin doanh nghiệp Nhật đang cần tuyển dụng người nước ngoài. Những người có quan tâm đến hoạt động tìm việc tại Nhật hãy truy cập và tìm hiểu thông tin tại đây:

 **Hướng dẫn tìm việc cho Du học sinh (JASSO)**
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/job/

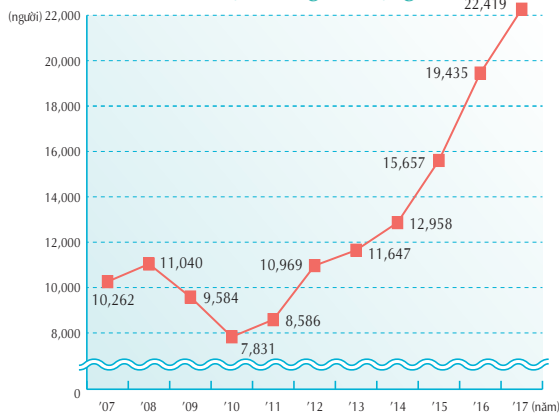
 **Japan Alumni eNews (JASSO)**
https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/enews/



 **Cổng thông tin xúc tiến hoạt động nhân sự nước ngoài cao cấp: “Open for Professionals”**
<https://www.jetro.go.jp/hrportal>

Tình hình tuyển dụng du học sinh tại Nhật Bản

■ Số người được cho phép chuyển đổi từ tư cách lưu trú “du học” sang lao động

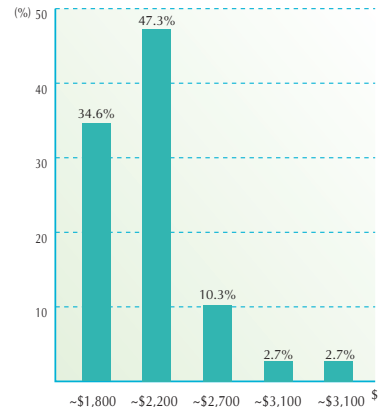


Nguồn: “Tình hình tìm việc của các du học sinh ở các doanh nghiệp Nhật Bản năm 2017” (Cục quản lý nhập cảnh, Bộ Tư pháp)

■ Tỷ lệ cơ cấu chia thành ngành nghề (10 ngành đứng đầu)

1	Thương mại, ngoại thương	9.5%
2	Máy tính và dịch vụ liên quan	7.7%
3	Ăn uống	5.2%
4	Giáo dục	5.0%
5	Khách sạn	3.8%
6	Cơ khí, máy móc	3.1%
7	Điện	3.1%
8	Thực phẩm	2.7%
9	Kiến trúc	2.7%
10	Vận tải	2.2%

■ Lương khởi điểm (lương tháng)



■ Chuyển đổi tư cách lưu trú

Du học sinh tìm việc tại Nhật Bản cần phải thay đổi tư cách lưu trú “du học” sang tư cách lưu trú có thể làm việc như “kỹ thuật, kiến thức nhân văn, nghiệp vụ quốc tế”.

■ Trường hợp không tìm việc

Cho dù không tìm việc cho tới khi tốt nghiệp đại học *1 hoặc trường dạy nghề *2 cũng có thể tiếp tục hoạt động tìm việc trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp nếu tiến hành chuyển đổi tư cách lưu trú từ “du học” sang “hoạt động đặc biệt”. Thời gian lưu trú trong trường hợp này là 6 tháng và về nguyên tắc được chuyển đổi 1 lần. Tuy nhiên, có thể tiếp tục hoạt động tìm việc ở năm thứ 2 sau khi tốt nghiệp nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định.

Cụ thể về cách thức làm thủ tục hãy hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh địa phương v.v.

① Trình độ học vấn	Tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trường kỹ thuật chuyên nghiệp của Nhật Bản hoặc ngoài Nhật Bản. Những người tốt nghiệp trường dạy nghề và nhận được “chứng chỉ chuyên môn”
② Nội dung công việc sẽ làm	Nội dung công việc có liên quan tới chuyên ngành hay không rất quan trọng. (Ví dụ) Cho dù người học về thiết kế thời trang được tuyển vào làm kỹ sư máy tính sẽ rất khó chuyển đổi tư cách lưu trú.
③ Thủ lao	Bảo đảm thủ lao bằng hoặc cao hơn người Nhật
④ Tình hình thực tế của doanh nghiệp	Nền tảng kinh doanh, thành tích kinh doanh của doanh nghiệp ổn định v.v.

*1 Bao gồm cao đẳng và sau đại học. Tuy nhiên, không bao gồm sinh viên Bekka, sinh viên dự thính, sinh viên tự do lựa chọn môn học và nghiên cứu sinh.

*2 Chỉ dành cho những người nhận được chứng chỉ chuyên môn.

*3 Cần được sự tiến cử của trường

*4 Nếu thỏa mãn điều kiện quy định thì sau khi tốt nghiệp có thể xin được visa 2 năm để tìm việc. Điều kiện cụ thể hãy hỏi chi tiết Cục quản lý xuất nhập cảnh của địa phương.

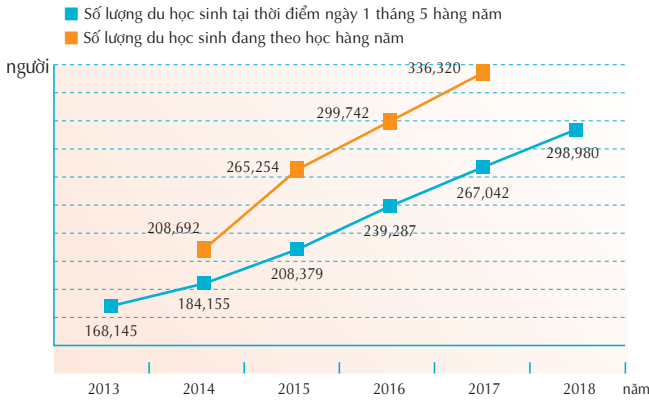
THỐNG KÊ

Số lượng du học sinh người nước ngoài ở Nhật

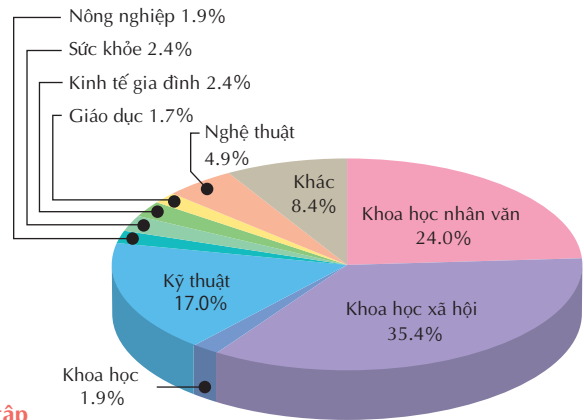
Tính tới ngày 1 tháng 5 năm 2018



Sự thay đổi số lượng du học sinh nước ngoài qua các năm



Tỷ lệ du học sinh nước ngoài phân theo chuyên ngành (Cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông)



Số lượng du học sinh nước ngoài phân theo các giai đoạn học tập

		Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Giai đoạn học tập	Sau đại học	31,715	2,043	16,426	50,184
	Đại học (Khoa)	12,554	1,855	70,448	84,857
	Cao đẳng	0	19	2,420	2,439
	Trường kỹ thuật chuyên nghiệp	467	0	43	510
	Trường dạy nghề	0	19	67,456	67,475
	Khóa đào tạo dự bị			3,436	3,436
	Cơ sở giáo dục tiếng Nhật		58	90,021	90,079
	Tổng cộng	44,736	3,994	250,250	298,980

Số lượng các cơ sở giáo dục sau trung học phổ thông

	Quốc lập	Công lập	Tư lập	Tổng cộng
Sau đại học	86	83	467	636
Đại học (Khoa)	82	91	583	756
Cao đẳng	0	17	314	331
Trường kỹ thuật chuyên nghiệp (KOSEN)	51	3	3	57
Trường dạy nghề	9	186	2,611	2,806

Số lượng du học sinh chia theo quốc gia (khu vực)

Quốc gia (khu vực)	Số người
1 Trung Quốc	114,950
2 Việt Nam	72,354
3 Nepal	24,331
4 Hàn quốc	17,012
5 Đài Loan	9,524
6 Sri Lanka	8,329
7 Indonesia	6,277
8 Myanmar	5,928
9 Thái Lan	3,962
10 Bangladesh	3,640

Nguồn: Điều tra về tình hình du học sinh 2018
https://www.jasso.go.jp/about/statistics/intl_student_e/index.html

※ Bao gồm cả Đại học Mở Nhật Bản (The Open University of Japan)
 Nguồn: Điều tra cơ bản về các trường năm 2018
 (Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ)

Tính tới thời điểm ngày 1/5/2018

HỎI ĐÁP VỀ DU HỌC NHẬT BẢN

Q Có thể nộp hồ sơ dự thi dành cho người nước ngoài trong trường hợp sau đây không?

- ① Học một vài năm ở trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông tại Nhật.
- ② Đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại Nhật
- ③ Mang 2 quốc tịch là quốc tịch Nhật Bản và quốc tịch khác.

A Trường bạn đăng ký sẽ đánh giá điều kiện nộp hồ sơ của bạn. Trước khi nộp hồ sơ, hãy liên lạc với trường và xác nhận xem mình có đủ điều kiện nộp hồ sơ hay không. Tùy từng trường, có khả năng bạn phải tham dự kỳ thi đầu vào với chế độ giống hết sinh viên Nhật Bản.

Q Tôi bị khuyết tật. Tôi có được hỗ trợ khi thi đầu vào và sau khi vào học không?

A Những học sinh khuyết tật sẽ nhận được sự hỗ trợ từ trường để học tại Nhật. Trường hợp mong muốn nhận được sự giúp đỡ khi dự thi hoặc khi vào học do bị bệnh, bị khuyết tật cơ thể, trước khi nộp hồ sơ, hãy thảo luận với trường.

Q Có bảng xếp hạng các trường đại học không?

A Mỗi tổ chức có bảng xếp hạng được lập dựa trên quan điểm và tiêu chuẩn riêng nhưng không có bảng xếp hạng chính thức, công khai của chính phủ Nhật Bản. Mặc dù trường xếp thứ hạng cao nhưng có thể không phù hợp với bạn nên hãy lắng nghe ý kiến của thầy cô, du học sinh đi trước hoặc xem thông tin trên trang web của JASSO, của các trường để tìm ra trường mà mình muốn học.

Q Để thi vào các trường ở Nhật Bản có bắt buộc phải đến Nhật dự thi không?

A Các trường tổ chức kỳ thi đầu vào rất nhiều. Nhưng cũng có những trường chỉ xét hồ sơ và phỏng vấn online hoặc phỏng vấn tại Việt Nam. Tham khảo thủ tục trước khi sang Nhật để dự thi ở Trang 30.

HOẠT ĐỘNG THÚC ĐẨY DU HỌC NHẬT BẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI

Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ đã bố trí các điều phối viên của những trường đại học được lựa chọn cho dự án với mục đích cung cấp thông tin liên quan tới du học và thúc đẩy hoạt động tuyển dụng những du học sinh xuất sắc. Hãy thu thập thông tin và thảo luận một cách tích cực!

Yangon, Myanmar
Đại học Okayama
http://www.okayama-u.ac.jp/user/myanmar/index.html


Lusaka, Zambia
Đại học Hokkaido
https://www.hokkaido-university-lusakaoffice-zm.com/


Ấn Độ, New Delhi
Đại học Tokyo
https://www.u-tokyo.ac.jp/adm/utindia/ja/index.html


Sao Paulo, Brazil
Đại học Tsukuba
http://www.global.tsukuba.ac.jp/overseas/s%C3%A3o-paulo?language=ja


Nga, khu vực CIS
Đại học Hokkaido, Tsukuba, Niigata
Đang chuẩn bị


Trung Đông, Bắc Phi
Đại học Kyushu
https://jmena.jp


TẬP HỢP THÔNG TIN

Các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản



Trang web của JASSO

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/

Cung cấp các thông tin cơ bản về du học Nhật Bản

- Tra cứu các trường
 - Thông tin học bổng
 - Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)
 - Triển lãm du học, buổi thuyết trình về du học do JASSO tổ chức
- https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/event/



- Các địa điểm đặt tài liệu xúc tiến du học Nhật Bản
- Có thể xem sách giới thiệu của các cơ sở giáo dục Nhật Bản và tài liệu liên quan tới du học Nhật Bản.

https://www.jasso.go.jp/ryugaku/study_j/sjrf/



Bản tiếng Nhật



Bản tiếng Anh



Danh sách Đại sứ quán, Lãnh sự quán Nhật Bản, Cơ quan ngoại giao Nhật Bản tại nước ngoài (Bộ Ngoại giao)

<https://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/zaigai/list/>

Các loại thông tin dành cho du học sinh

- Thông tin du học Nhật Bản
- Thông tin học bổng chính phủ Nhật Bản

※ Cũng có Đại sứ quán, Lãnh sự quán tổ chức thảo luận về du học.



Website "Study in Japan"

<http://www.studyinJapan.go.jp>

- Lên kế hoạch học tập ở Nhật Bản
- Cuộc sống ở Nhật
- Việc làm tại Nhật Bản

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản hi vọng sẽ trở thành nơi cung cấp thông tin đầy đủ về du học Nhật Bản cho mọi người.

Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) là tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ.

Là cơ quan trung tâm dẫn đầu trong việc hỗ trợ sinh viên, tiến hành một cách tổng hợp các hoạt động cho vay học bổng, hỗ trợ du học sinh và hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên. Mục đích là đào tạo nguồn nhân lực có tính sáng tạo cao, giàu tính nhân văn, gánh vác xã hội trong tương lai đồng thời tăng cường sự hiểu biết, giao lưu quốc tế.

1 Hoạt động cho vay học bổng

Tiến hành hoạt động cho vay học bổng dành cho sinh viên Nhật Bản có thành tích xuất sắc nhưng gặp khó khăn trong học tập vì lý do kinh tế. Ngoài ra, chúng tôi cũng tiến hành hoàn thiện chế độ học bổng đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên, cải tiến thủ tục đăng ký, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan tới học bổng cũng như tiến hành thu hồi các khoản vay một cách hợp lý.

2 Hoạt động hỗ trợ du học sinh

Tiến hành các hoạt động cấp học bổng cho du học sinh, thực hiện các chương trình giao lưu giữa các du học sinh, cải tiến thủ tục nhập học dựa trên kỳ thi du học Nhật Bản v.v., thu thập và cung cấp thông tin liên quan tới du học.

3 Hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên

Tiến hành thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về những hoạt động hữu ích liên quan tới hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên, đóng góp vào các hoạt động hỗ trợ sinh hoạt cho sinh viên do các trường đại học tổ chức.

Ngoài ra, thông qua các hoạt động thực tập, chúng tôi cũng góp phần hỗ trợ hoàn thiện các dịch vụ dành cho sinh viên các trường đại học v.v.



Independent Administrative Institution
Japan Student Services Organization

TEL (+81)3-5520-6111

FAX (+81)3-5520-6121

〒135-8630 2-2-1 Aomi, Koto-ku, Tokyo, Japan
infoja@jasso.go.jp

Văn phòng đại diện ở nước ngoài (Trung tâm thông tin giao lưu giáo dục quốc tế Nhật Bản, JASSO)

Indonesia TEL (+62) 21-252-1912

JASSO Japan Educational Information Center, Jakarta
Summitmas Tower I, 2nd Floor, Jalan Jenderal Sudirman KAV 61-62 Jakarta 12190 INDONESIA
info@jasso.or.id
<http://www.jasso.or.id/>
<https://www.facebook.com/jasso.indonesia>

Hàn Quốc TEL (+82) 2-765-0141

JASSO Japan Educational Information Center, Seoul
#702 Garden Tower, 84 Yulgok-ro, Jongno-gu, Seoul 03131 REPUBLIC OF KOREA
jasso@jasso.or.kr
<http://www.jasso.or.kr/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Korea>

Thái Lan TEL (+66) 2-661-7057

JASSO Japan Educational Information Center, Bangkok
10F Serm-mit Tower, 159 Asok-Montri Rd., Bangkok 10110 THAILAND
info@jeic-bangkok.org
<https://www.jeic-bangkok.org/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Thailand>

Malaysia TEL (+60) 3-2287-0812

JASSO Japan Educational Information Center, Kuala Lumpur
A-7-5, Northpoint Offices, Mid Valley City, No.1, Medan Syed Putra Utara, 59200 Kuala Lumpur, MALAYSIA
enquiry@studyinjapan.org.my
<http://www.studyinjapan.org.my/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Malaysia>

Việt Nam TEL (+84) 24-3710-0226

Văn phòng JASSO Việt Nam
Tầng 4, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
info@jasso.org.vn
<https://www.jasso.org.vn/>
<https://www.facebook.com/JASSO.Vietnam>

Hoạt động của Văn phòng đại diện tại nước ngoài:

- Cung cấp thông tin qua email, thư, điện thoại, thảo luận trực tiếp.
- Mở thư viện trưng bày thông tin giới thiệu về trường, danh sách trường, tài liệu tham khảo về du học Nhật Bản.
- Cung cấp thông tin qua các buổi hội thảo, sự kiện về Du học Nhật bản.

<https://www.jasso.go.jp/ryugaku/about/jeic/index.html>

ISBN 978-604-76-1972-6

